

Sau ngày tấn công đầu tiên, ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm chủ hầu hết các mục tiêu quan trọng trong thị xã Long Khánh: dinh tỉnh trưởng, ty cảnh sát, khu Cố vấn Mỹ, trụ sở tình báo CIA...

Sau đó, ta ngày 11 tháng 4 năm 1975, địch tăng viện cho Long Khánh một chiến đoàn bộ binh và 1 lữ đoàn kỵ binh đồng thời sử dụng máy bay, pháo binh trút bom đạn rải thảm vào thị xã, buộc chủ lực ta phải rút ra vòng ngoài, chuyển đánh địch trực tiếp sang bao vây tiêu diệt địch. Ta nói sự chuyển hướng này nhằm tránh thiệt hại cho nhân dân, điều đó đúng, nhưng trong chỉ đạo chiến dịch có lường trước được tình huống phản kích điên cuồng của địch như đã diễn ra không? Bài học kinh nghiệm là gì?

2) Chúng ta đều biết trong chiến dịch này, địch đã sử dụng bom CBU-55 (Cluster bom units). Theo tác giả Mỹ J.A. Am ter (Joseph A.Amter)¹ thì khi ta tiến công Xuân Lộc, đại sứ Mỹ Martin (Martin) và tướng Smith ở tổ hợp DAO đã quay trở lại giải pháp kỹ thuật và trao cho quân đội Sài Gòn 2 loại siêu vũ khí mới chưa từng sử dụng ở Việt Nam. Loại bom CBU-55 là một bom chùm không lồ chứa nhiều bom hơi, khi nổ sẽ tạo ra một cơn bão lửa bao trùm mục tiêu và khả năng sống sót của con người trong vòng tàn phá là hoàn toàn không có. Quả bom này ở Xuân Lộc - theo tác giả JA Am ter - đã “đốt cháy khoảng 250 binh sĩ địch”. Một loại bom thứ hai có tên “Daisy Cutler” nặng 15000 cân Anh, nổ cách mặt đất một khoảng và tàn phá tất cả trong một khu vực lớn, được quân đội Sài Gòn sử dụng trong tuần cuối của cuộc chiến tranh. Đây là tội ác dã man của Mỹ và tay sai đối với nhân dân ta, sử dụng vũ khí giết người hàng loạt, phải được tập hợp tư liệu đầy đủ và chính xác để tố cáo chúng trên thế giới. Một bài học cảnh giác: Trong cơn hấp hối, kẻ thù không từ thủ đoạn tàn ác nào đối với nhân dân ta.

3) Trong các tư liệu phản ánh về diễn biến của chiến dịch, đề nghị các tác giả đi sâu hơn, cụ thể hơn về những bài học kinh nghiệm vận động, phát huy sức sáng tạo của quần chúng góp phần cho chiến thắng. Với một địa bàn nội ô có hơn 28000 dân, đa số là người miền Trung, miền Bắc di cư được địch bố trí làm vành đai ngăn

¹ Xem J.A. Amter (Joseph A.Amter), Lời phán quyết về Việt Nam (VietNam Verdict), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr.461.

chặn từ xa, sự xâm nhập của cách mạng, vậy mà nhân dân đã lập được nhiều thành tích đóng góp cho chiến thắng ở đây, công tác vận động quần chúng của Đảng chắc chắn có nhiều kinh nghiệm cần được khai thác đầy đủ. Trong các tư liệu của sự kiện, mặt sức mạnh của quần chúng nêu chưa tương xứng, đúng với tính chất của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của nhân dân.

Trên đây, chỉ xin nêu một số ý kiến với mong muốn được trao đổi, làm rõ thêm trong cuộc hội thảo khoa học rất bổ ích này.

T.B.Đ.

**CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC - LONG KHÁNH
DẤU ẤN LỊCH SỬ VẺ VANG TRONG
CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY
MÙA XUÂN 1975**

Thiếu tướng NGUYỄN NĂNG NGUYỄN

Tư lệnh Quân đoàn 4.

Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mang dấu ấn lịch sử vẻ vang của quân và dân ta trên chiến trường miền Đông Nam bộ. Lịch sử đã đi qua 28 năm, nhưng mỗi khi có dịp nghiên cứu và nhìn lại quá khứ, cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4 đều có cảm nhận sâu sắc về những chiến công của thế hệ đàn anh đi trước và tình cảm của đồng bào Nam bộ nói chung, chính quyền và nhân dân Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng đã dành cho các đơn vị của Quân đoàn trong suốt chặng đường trên 40 năm chiến đấu, công tác và trưởng thành.

Với tình cảm sâu sắc đó, tôi vô cùng cảm ơn Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện Long Khánh về việc tổ chức cuộc hội thảo tại địa danh đã diễn ra trận đánh có ý nghĩa lịch sử này; qua đây, chúng ta có điều kiện tiếp tục xem xét những giá trị chân thực về Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 và tìm ra những bài học quý,

cả thành công và chưa thành công để nghiên cứu vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Quân đoàn 4 sau ngày thành lập (20-7-1974) đã ra quân giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong Chiến dịch đường 14 - Phước Long, giải phóng hoàn toàn một tỉnh, mở ra cục diện mới về thế và lực của ta trên chiến trường miền Đông Nam bộ, được Bộ Chính trị Trung ương Đảng đánh giá cao: “Phước Long là trận trình sát chiến lược”; đồng thời là cơ sở nghiên cứu đánh giá tình hình địch, hoạch định kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 được đánh dấu từ trận mở đầu “Tiến công Buôn Ma Thuật” trong Chiến dịch Tây Nguyên (4-3 - 24-3-1975). Để phối hợp với các hướng chiến trường, Bộ Tư lệnh Miền đã chỉ đạo Quân đoàn 4 công với lực lượng vũ trang Quân khu 7, Quân khu 6 mở các đợt hoạt động tác chiến rộng khắp, đánh chiếm các mục tiêu về phía bắc Sài Gòn, mở rộng vùng giải phóng nối liền với Phước Long và vùng Tây Nguyên tạo ra thế tiến công trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong đó Sư đoàn 9 đã lần lượt giải phóng Dầu Tiếng, suối Ông Hùng - Truong Mít, Chân Thành, Bình Long (phía tây sông Đồng Nai) mở thông Quốc lộ 13, 14 Sư đoàn 7 giải phóng hoàn toàn quận Định Quán, đánh chiếm hệ thống đồn bót từ Túc Trưng đến Phương Lâm, phát triển lên Bảo Lộc giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng, ta làm chủ Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến Lâm Đồng.

Như vậy, đến cuối tháng 3 năm 1975, những hoạt động tác chiến trên chiến trường miền Đông Nam bộ đã thu được những thắng lợi quan trọng, cùng với các hướng chiến trường khác (Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang) đập tan ý đồ lập tuyến phòng thủ từ xa của địch. “Từ Tây Ninh đi Lâm Đồng đến Nha Trang”, buộc địch phải chạy về cố thủ trên các nút giao thông trên địa bàn các tỉnh ngay sát “thủ phủ” của chính quyền ngụy Sài Gòn Với thắng lợi to lớn đó, đầu tháng 4 năm 1975, cục diện chiến trường miền Nam đã thay đổi cơ bản; tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị là “Thần tốc, táo bạo, chắc thắng” đã động viên cả dân tộc với các quân đoàn chủ lực của Bộ, các sư đoàn chủ lực của Quân khu hành quân thần tốc vào chiến trường trọng điểm để mở ra mặt trên quyết định đến sự diệt vong của chế độ ngụy Sài Gòn; giành lại độc lập tự do, thống nhất đất nước.

Trong khí thế của các đoàn quân tiến về Sài Gòn thì các sư đoàn, lữ đoàn, chiến đoàn quân ngụy bại trận cũng chạy về Sài Gòn tạo lập một tuyến phòng thủ mới (Phan Rang - Xuân Lộc - Tây Ninh) bảo vệ thủ đô làm cho tương quan lực lượng ở từng khu vực, từng nơi không cân sức Khu vực Xuân Lộc - Long Khánh nằm án ngữ trên Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Nơi đây là khu vực phòng thủ kiên cố của sở chỉ huy Sư đoàn 18 ngụy trong nhiều năm nay, gồm nhiều tiểu khu liên hoàn. Với lực lượng của Sư đoàn 18 đã hội tụ đủ 3 chiến đoàn (43, 48, 52), Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, hàng ngàn cảnh sát và phòng vệ dân sự có pháo binh, không quân chi viện rất mạnh và các lực lượng thiết giáp, dù của Quân khu 3, Quân khu 4 ngụy sẵn sàng chi viện Tướng Uâyên, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ và bộ máy chính quyền ngụy Sài Gòn coi nơi đây là cánh cửa thép trên hướng đông bắc Sài Gòn “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Rõ ràng trong thế thất trận, suy sụp về chiến lược của quân ngụy Sài Gòn thì Xuân Lộc vẫn là điểm cứng, điểm mạnh, được tập trung cao nhất về tổ chức chỉ huy, lực lượng phương tiện và hỏa lực nhằm ngăn chặn hướng tiến công chính của ta, kéo dài cuộc chiến để mong chờ Mỹ can thiệp, tạo ra thời cơ mới về chiến cuộc

Trong thời điểm lịch sử đó, Xuân Lộc - Long Khánh trở thành trận đọ sức quyết liệt của đôi bên Ta quyết đánh và quyết đánh thắng để mở toang cánh cửa phía đông tạo cho lực lượng cơ động của Bộ tiến vào Biên Hòa – Sài Gòn hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị. Còn bên kia địch tăng cường lực lượng, tập trung binh hỏa lực cao nhất để quyết giữ. Chính vì vậy, Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh được gắn liền với thắng lợi trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã khắc sâu trong trí nhớ quân và dân cả nước.

Ngày 30-3-1975, Tư lệnh Quân đoàn 4 nhận được nhiệm vụ: “Quân đoàn 4 được phối thuộc Sư đoàn 6, Quân khu 7, 2 tiểu đoàn địa phương, 2 tiểu đoàn tăng (thiếu) tiêu diệt Sư đoàn 18, Quân đoàn 3 ngụy, giải phóng thị xã Long Khánh, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây và tiêu diệt một phần lực lượng của Quân đoàn 3 ngụy từ Trảng Bom, Biên Hòa phản kích lên. Ngày 6-4-1975 phải tổ chức tiến công.

Đây là niềm tự hào và vinh dự của Quân đoàn chủ lực hoạt động trên chiến trường miền Đông Nam bộ, nhưng cũng là nhiệm vụ hết sức nặng nề, cần phải vượt

qua khi các đơn vị của Quân đoàn đã trải qua chiến đấu liên tục, đội hình hoạt động tác chiến phân tán trên địa bàn 5 tỉnh phía bắc Sài Gòn (Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Long Khánh, Lâm Đồng). Trong đó Sư đoàn 7, đơn vị chủ công của Quân đoàn trong đợt tiến công này đang chiến đấu ở Lâm Đồng và Tuy Đức - Đà Lạt, quân số thiếu (tiểu đoàn có khoảng 170 đến 200 đồng chí), vũ khí trang bị kỹ thuật, đạn dược hư hỏng, tổn thất chưa được bổ sung; Sư đoàn 341 từ Bắc vừa cơ động hàng nghìn km được bổ sung vào đội hình Quân đoàn 4, tác chiến trên chiến trường mới lạ. Sư đoàn 9, ngày 2-4-1975 tách khỏi đội hình Quân đoàn về hoạt động trên hướng tây nam Sài Gòn trong đội hình Đoàn 232.

Bước vào cuộc tiến công Xuân Lộc - Long Khánh với các lực lượng được tập hợp, bổ sung về đội hình Quân đoàn tuy đủ; nhưng không tránh khỏi những khó khăn về nắm bắt tư tưởng, năng lực tổ chức chỉ huy và khả năng chiến đấu của các đơn vị để sử dụng lực lượng cho trận đánh; đồng thời Quân đoàn vừa phải tổ chức cơ động lực lượng từ các hướng trở về đội hình tác chiến tập trung đúng thời gian quy định, vừa phải tiến hành chuẩn bị phương án tác chiến trong thời gian gấp.

Mặc dù các đơn vị có cố gắng rất cao, vừa chỉ huy cơ động lực lượng, vừa tổ chức chuẩn bị chiến đấu; nhưng thời cơ nổ súng tiến công vào ngày 6 tháng 4 năm 1975 vẫn không thực hiện được. Trong khi đó địch ngày một tăng, phạm vi chiếm đóng được mở rộng, thế trận phòng thủ được củng cố vững chắc. Đây là điều bất lợi đối với Quân đoàn khi bước vào trận đánh này. Nhưng với tư tưởng chỉ đạo “Khẩn trương, táo bạo” và được lợi thế chung về chiến lược; trên các hướng chiến trường, các đơn vị đang thần tốc tiến về Sài Gòn, đòi hỏi trách nhiệm của Quân đoàn cùng với quân dân tỉnh Long Khánh phải khẩn trương tiến công để tạo thế cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9-4-1975, hỏa lực của ta dội lên chi khu quân sự Xuân Lộc - tiểu khu Long Khánh và các mục tiêu phụ cận Sư đoàn 7 hướng chủ yếu đánh vào sở chỉ huy Sư đoàn 18 ngự; Sư đoàn 341 từ hướng bắc đánh vào chi khu Xuân Lộc, Sư đoàn 6 đánh chia cắt địch ở Xuân Lộc - Dầu Giây Sau hơn 3 giờ chiến đấu, trên các hướng tiến công của ta đã thể hiện quyết tâm rất cao, táo bạo thọc sâu, thực hiện phương châm “Đánh chắc, tiến chắc”, “Khẩn trương, táo bạo”. Do yếu tố

bất ngờ của trận đánh không còn, địch ở thế phòng thủ chủ động nên trận đánh điện ra giằng co quyết liệt từ ngày 9 đến 14-4-1975 Tổng hành dinh ngụy đã lần lượt điều động các đơn vị dự bị chiến lược cùng xe tăng, pháo binh ra ứng viện, làm thay đổi đột biến về tương quan lực lượng; chiến sự diễn ra ngày càng phức tạp, gây cho ta những tổn thất đáng kể và tạm thời ngăn được sức tiến công của ta.

Trước sự thay đổi của diễn biến chiến trường, đêm 11-4-1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đánh giá tình hình và quyết định thay đổi phương án giải phóng Xuân Lộc - Long Khánh: “Từ tập trung lực lượng tiến công địch phòng ngự trong thị xã, chuyển sang vận động đánh địch vòng ngoài, bao vây cô lập địch ở thị xã. Bước chuyển hướng mục tiêu tiến công, điều chỉnh lại lực lượng trên mặt trận Xuân Lộc - Long Khánh là giai đoạn có tính chất quyết định đến thắng lợi, ta kịp thời lập thế trận mới, cô lập và cắt rời giữa Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa, bằng các đòn tiến công vào Dầu Giây, Trảng Bom cắt Quốc lộ 1 và đánh chiếm Tân Phong cắt đường số 2 đi Bà Rịa. Cách đánh này được hình thành còn xuất phát từ thời cơ chiến lược, nhất là trên hướng Quốc lộ 1, Quân đoàn 2 đánh chiếm Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân làm cho địch ở khu vực tác chiến càng thêm hoang mang, dao động và tháo chạy vào đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4 năm 1975, kết thúc trận đánh oanh liệt của quân dân ta tại đây và báo hiệu sự diệt vong của chế độ ngụy Sài Gòn; đồng thời tạo ra một thế trận mới rất có lợi cho lực lượng của Quân đoàn 2 tiến vào khu tập kết, chuẩn bị kịp thời cho trận quyết chiến chiến lược.

Như vậy, trải qua 12 ngày đêm (9 đến 21-4-1975) cuộc chiến gay go quyết liệt giữa ta và địch đã kết thúc. Quân đoàn 4 cùng với lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân tỉnh Long Khánh đã vượt qua những khó khăn, hy sinh mất mát giành thắng lợi vẻ vang trên mặt trận Xuân Lộc - Long Khánh. Chúng ta không những giải phóng hoàn toàn tỉnh thứ 20 trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mà còn làm suy sụp hệ thống chính trị ngụy Sài Gòn, buộc Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức vào lúc 19 giờ cùng ngày. Các báo, đài phương Tây có nhiều bài bình luận, đưa tin về chiến sự Xuân Lộc - Long Khánh cũng có lời kết: “Tướng Thiệu đã thua cuộc, cả Hoa Kỳ cũng đã thua cuộc, thế giới tự do cũng đã thua nốt. Sự

sựp đồ là hoàn toàn và dù cho khoa môi, mùa mếp thế nào thì cũng không thay đổi được nữa”¹.

Xuân Lộc - Long Khánh là trận chiến gay go quyết liệt nhất; cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang địa phương đã hy sinh trên mảnh đất này có tỷ lệ cao nhất so với các trận đánh trong cuộc Tổng tiến công. Do vậy, dấu ấn lịch sử luôn khắc sâu trong trái tim khối óc của cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn. Sau thắng lợi năm 1975, Quân đoàn 4 có tổ chức tổng kết lại trận đánh, rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, tổ chức chỉ huy và vận dụng cách đánh... nhưng chưa đủ, chưa sâu sắc. Nếu nhìn về góc độ chiến thuật, chiến dịch chúng ta còn nhiều điều phải phân tích để làm rõ những bài học kinh nghiệm cho thế hệ tiếp theo nghiên cứu học hỏi để vận dụng vào điều kiện mới. Nhưng nhìn ở góc độ chiến lược chúng ta đều nhận thấy ý nghĩa của trận thắng Xuân Lộc - Long Khánh là cực kỳ to lớn; mỗi cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 chúng tôi có quyền tự hào về chiến công này, một chiến công lịch sử mà cả nhân loại đều biết đến.

Sau Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh, cả Quân đoàn với khí thế thần tốc tiến đánh vào thành phố Biên Hòa và cùng các hướng khác tiến về Sài Gòn làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975.

Sài Gòn - Gia Định đã hoàn toàn giải phóng.

Đất nước ta đã giành lại độc lập, tự do; thống nhất Tổ quốc.

Trong suốt cuộc chiến tranh cường Mỹ nói chung, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 nói riêng, Quân đoàn 4 đã có những cống hiến lịch sử, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung. Nhân dân cả nước, nhân dân Nam bộ và cực Nam Trung bộ tin cậy, dành cho Quân đoàn 4 những tình cảm yêu thương, quý mến Quốc hội, Chính phủ đã dành cho Quân đoàn 4 những phần thưởng xứng đáng “Huân chương Hồ Chí Minh” và danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

Thành phố vừa ngót tiếng súng, khói bụi và tàn dư chiến tranh vẫn ngổn ngang thì Quân đoàn được Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ chiếm giữ

¹Báo Pháp *Le Figaro* ra ngày 24 tháng 4

các mục tiêu trọng yếu, làm nhiệm vụ quân quản tại các quận nội thành với nhiệm vụ tham gia xây dựng chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương; giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ cơ sở kinh tế, quân sự trong thành phố. Đây là nhiệm vụ rất nặng nề, mới mẻ và phức tạp; nhưng trải qua 10 tháng Quân đoàn đã lập nên những chiến công mới, viết nên những trang sử mới góp phần tô thắm bản chất truyền thống của quân đội, làm vẻ vang truyền thống vì *nhân dân phục vụ*.

Kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước và làm nhiệm vụ quân quản tại Thành phố Sài Gòn - Gia Định, cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4 đều có nguyện vọng được sống trong hòa bình và được trở về với cái nôi sinh ra và lớn lên của một đời người. Nhưng nhiều đồng chí chưa kịp thực hiện hoài bão bé nhỏ đó đã phải khoác ba lô mang súng hành quân về chiến trường biên giới. Từ đây lại bắt đầu một thời kỳ mới trong lịch sử chiến đấu của Quân đoàn; thời kỳ làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới của Tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế cao cả trên đất nước Campuchia anh em.

Dù trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, nhưng những chiến công trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc vẫn luôn là dấu ấn vàng son đối với Quân đoàn. Thế hệ cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 hôm nay đã và đang tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của Quân đoàn; đồng thời tăng cường giáo dục để cán bộ, chiến sĩ không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, làm tốt nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, xứng đáng với danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Nhân dịp Hội thảo kỷ niệm 28 năm Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh, chúng ta có cơ hội ôn lại chiến công mà Quân đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang Quân khu 7, Quân khu 6 và chính quyền, nhân dân tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa đã công hiến. Trước hết tôi xin thay mặt cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 hôm nay xin cảm ơn Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Long Khánh, Xuân Lộc đã luôn quan tâm chăm sóc mộ phần các liệt sĩ đã anh dũng hy sinh trên mảnh đất này trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; chúng tôi cũng xin cảm ơn các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, nhân dân tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng toàn thể các tỉnh trên địa bàn miền Đông Nam bộ luôn là hậu phương tại chỗ vững chắc cho Quân đoàn 4 và kề vai sát cánh cùng Quân đoàn trong gần suốt nửa thế kỷ qua. Kể từ buổi

tiên thân (1961) đến nay, tình cảm yêu thương đùm bọc của nhân dân Nam bộ luôn là nguồn động viên cổ vũ cán bộ, chiến sĩ trong Quân đoàn vượt qua mọi hoàn cảnh khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

N.N.N

**PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ TINH THẦN
CỦA CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC - LONG KHÁNH,
TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG CÁCH MẠNG
CHO CÁC THẾ HỆ HÔM NAY VÀ MAI SAU**

TRẦN VĂN KHÁNH

Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tiền thân là Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh trước đây đã có nhiều nỗ lực xây dựng thực lực cách mạng trên địa bàn Xuân Lộc và trực tiếp lãnh đạo Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc. Tại Hội thảo này, nhiều bản tham luận đã đề cập đến sự chỉ đạo của Quân ủy - Bộ Tư lệnh Miền, của Khu ủy - Quân khu 7, lãnh đạo của Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh, sự chuẩn bị chiến trường, diễn biến chiến dịch và tác chiến của các đơn vị. Tham gia Hội thảo này, chúng tôi xin nêu một số suy nghĩ về việc “Phát huy các giá trị tinh thần của chiến thắng Xuân Lộc, tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau”.

Tâm vóc của Chiến thắng Xuân Lộc đã để lại một di sản quý giá trong truyền thống đấu tranh cách mạng, để lại những kinh nghiệm quý trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh và những chiến công hào hùng được tạo nên bởi sức mạnh đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân giữa bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương. Đó là một tài sản vô giá cần được giữ gìn và phát huy trong đời sống xã hội hôm nay và mai sau. Những tập kỷ yếu của cuộc hội thảo này, những chuyên đề nghiên cứu tiếp theo, Tượng đài chiến thắng Xuân Lộc và những phòng truyền thống, những cụm di tích kỷ niệm Chiến thắng Xuân Lộc sẽ được dựng lên là những phương tiện giáo dục

truyền thống rất thiết thực cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta, nhất là đối với các thế hệ trẻ.

Trải qua hơn một nửa thế kỷ đấu tranh chống đế quốc ngoại xâm, Đảng bộ, dân và quân Xuân Lộc đã rèn luyện, chiến đấu và trưởng thành qua hai cuộc kháng chiến, trở thành niềm tự hào, điểm son trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Đông Nam bộ. Chiến thắng Xuân Lộc tháng 4 năm 1975 trở thành niềm tự hào không chỉ đối với các tầng lớp nhân dân Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, mà còn là bản anh hùng ca bất diệt đối với các thế hệ hôm nay và mai sau. Kế thừa và phát huy các giá trị tinh thần của Chiến thắng Xuân Lộc không chỉ góp phần giáo dục truyền thống cho các thế hệ tiếp theo mà còn là hành động kịp thời để gìn giữ một di tích lịch sử cách mạng, góp phần ghi lại một dấu ấn trong pho lịch sử vĩ đại về công cuộc kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

Nằm ở địa đầu trung du Nam bộ, giáp cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Xuân Lộc là mảnh đất có thế tiến - thoái, công - thủ liên hoàn. Ngay từ khi thực dân Pháp mới đánh chiếm Đồng Nai, Gia Định, Phó đề đốc Lê Quang Tiên đã lập đồn ở Long Giao, Suối Rết; Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định lập căn cứ tại vùng Giao Loan, Rừng Lá tập hợp nghĩa quân kháng chiến. Chín năm chống Pháp, núi Chứa Chan, khu Rừng Lá là căn cứ kháng chiến, đội ngũ công nhân cao su làm nòng cốt cho nhiều chi đội, trung đoàn. Trong kháng chiến chống Mỹ, căn cứ khu miền Đông nhiều lúc đặt tại đồi Mặt Trăng, núi Mây Tàu, Rừng Lá. Sư đoàn 5 bộ binh của ta được xây dựng ngay tại căn cứ Mây Tàu. Các chiến dịch La Ngà, Bình Giã, Đồng Xoài giành thắng lợi có sự hỗ trợ to lớn của cơ sở hậu phương Xuân Lộc. Những địa danh: Long Khánh, Bảo Vinh, Bình Lộc, Tân Lập, Gia Ray, Bảo Chánh, Bảo Bình, Tân Phong, Cẩm Mỹ, Bình Lộc, Suối Tre... trở thành những pháo đài kháng chiến và cũng trở thành mồ chôn bọn xâm lược và tay sai.

Chúng ta còn nhớ, sau chiến thắng giải phóng Buôn Ma Thuật, hàng loạt các tỉnh ở Tây Nguyên và đồng bằng duyên hải miền Trung, thế của cách mạng như chẻ tre, có ngày giải phóng từ 2 đến 3 tỉnh, kẻ thù tháo chạy hỗn loạn. Tại Xuân Lộc, nguy quân, nguy quyền Sài Gòn tập trung toàn bộ lực lượng lại phản kích quyết liệt 20 ngày đêm. Khi Xuân Lộc thất thủ, Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức, tạo thế và lực

mới cho lực lượng ta ồ ạt giải phóng các tỉnh miền Đông và đánh thẳng vào Sài Gòn, buộc địch phải tuyên bố đầu hàng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Rõ ràng, Xuân Lộc được địch coi là “cánh cửa thép”. Mở toang được cánh cửa phía đông bắc Sài Gòn, đã tạo điều kiện thuận lợi lớn để quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn như vũ bão.

Chiến thắng Xuân Lộc là đỉnh cao của thành quả kháng chiến, là sự tiếp nối của hàng loạt chiến công nổi tiếng của quân và dân Bà Rịa - Long Khánh trên chiến trường đông và tây lộ 2 kể từ trận thắng Bình Ba (1960); chiến thắng Bình Giã, Chòi Đồng (1964 - 1965), Tầm Bó (1966), Kim Long (1967), chiến dịch lộ 2 (1974). Chiến thắng Xuân Lộc thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của Đảng bộ Bà Rịa - Long Khánh trên chiến trường Xuân Lộc, đồng thời thể hiện sự đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân, giữa lực lượng bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương Bà Rịa - Long Khánh.

Trên cơ sở những thành tựu đạt được trong công tác bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng trong những năm qua, chúng tôi đề nghị, chúng ta cần chú trọng đầu tư chỉ đạo phát huy hơn nữa giá trị của di tích lịch sử. Chiến thắng Xuân Lộc nói riêng, nằm trong toàn bộ hệ thống di tích lịch sử của địa phương trong công tác giáo dục truyền thống.

Trong những năm gần đây, cùng với Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã nhận thức và tích cực chỉ đạo đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử trọng điểm dọc theo địa bàn chiến trường lộ 2 xưa như: Tượng đài chiến thắng Bình Giã địa đạo ấp 3 Kim Long; Dự án khu công viên Bà Sen kỷ niệm Chiến thắng Tầm Bó, Kim Long, Chòi Đồng cùng với việc đầu tư cho phòng truyền thống của hầu hết các xã, các đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động thuộc Công ty Cao su Bà Rịa. Khu di tích lịch sử Chiến thắng Xuân Lộc sẽ là công trình kiến trúc hoành tráng, một trọng điểm trong hệ thống di tích lịch sử ở khu vực này.

Cũng nhân Hội thảo này, chúng tôi đề nghị Tỉnh ủy Đồng Nai, Huyện ủy Long Khánh tiếp tục đầu tư, tôn tạo cụm di tích Chiến thắng Xuân Lộc cùng với Tượng đài Chiến thắng Xuân Lộc, hình thành nên một quần thể di tích của chiến trường lộ 2, thể

hiện sức mạnh, tình đoàn kết chiến đấu của Đảng bộ, quân và dân Bà Rịa - Long Khánh trong kháng chiến, đồng thời cũng thể hiện sự đoàn kết hợp tác của quân và dân Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu hiện nay. Đây sẽ là một công trình lớn có tác dụng phát huy các giá trị tinh thần của Chiến thắng Xuân Lộc. Thực tiễn qua hai cuộc kháng chiến chứng thực dân và đế quốc, mảnh đất Xuân Lộc đã chứng minh là một trong những chiếc nôi quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến ở Bà Rịa - Long Khánh, miền Đông Nam bộ và giải phóng Sài Gòn Để phát huy các giá trị tinh thần của Chiến thắng Xuân Lộc, tăng cường công tác giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau, chúng ta cần vận dụng những kinh nghiệm, bài học quý báu về tinh thần kiên trung cách mạng: bám đất, bám dân, bám địch; về nghệ thuật tổ chức hoạt động của lực lượng vũ trang và nhân dân trong lòng địch; về thực hiện tốt các nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu bảo vệ căn cứ, đánh phá hệ thống phòng thủ kiên cố của địch, chiến đấu tiêu diệt địch. Chúng tôi hy vọng rằng, những bài học xương máu, quý giá được tổng kết qua cuộc hội thảo này không chỉ trở thành những giá trị tinh thần đơn thuần mà sẽ trở thành tài sản trong kho tàng lý luận về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng; nó sẽ được vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với điều kiện mới của đất nước, trong công cuộc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Các di tích cách mạng, văn hóa của dân tộc mặc dù đã trải qua nhiều bước thăng trầm qua sự tác động thường xuyên của con người, thiên nhiên, nhưng đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của mình. Những di tích chúng ta còn giữ được hôm nay là tài sản vô giá của dân tộc cần được khai thác tôn tạo, phát huy tác dụng để góp phần thiết thực cho việc giáo dục truyền thống cách mạng cho quần chúng, nhất là thế hệ trẻ.

Các thế hệ hôm nay và mai sau sẽ đến đây để tìm hiểu về cội nguồn, về cuộc đấu tranh anh dũng, về cái giá của độc lập tự do mà cha ông họ đã đổi bằng xương máu, để biết nâng niu, trân trọng hạnh phúc được sống trong hòa bình, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm góp sức mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng tiến công, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp hiện nay là Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, chúng tôi mong muốn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Xuân Lộc sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó, xứng đáng là một trong những căn cứ cách mạng anh dũng của Chiến khu Đ anh hùng.

Nói đến Xuân Lộc, chúng ta nhớ đến Tiểu đoàn 440 tức Tiểu đoàn 2 của tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, khi đó là đơn vị được phân công chiến đấu trực tiếp tại chiến trường Xuân Lộc - Long Khánh từ Tết Mậu Thân 1968 cho đến ngày giải phóng. Tiểu đoàn 440 đã chiến đấu rất kiên cường, lập nên nhiều chiến công, là nòng cốt để xây dựng bộ đội địa phương Xuân Lộc. Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 440 đã hy sinh anh dũng trên chiến trường này. Sau giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ, đơn vị giải thể, cán bộ chiến sĩ trở về địa phương. Đề nghị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường Quân khu 7 phối hợp thu thập tư liệu, tham mưu cho Tỉnh ủy hai tỉnh và Quân khu 7 đề nghị phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lược lượng vũ trang nhân dân” cho Tiểu đoàn 440.

T.V.K

**NHÌN NHẬN THÊM
VỀ CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC - LONG KHÁNH
TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975**

Đại tá PGS-TS. TRỊNH VƯƠNG HỒNG

Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam

Đại thắng mùa Xuân 1975 gắn liền với một loạt sự kiện lịch sử liên quan, gắn liền với bao tên đất, tên người mà chiến công diễn ra ở đó, chiến công của bao tập thể anh hùng, bao cá nhân anh hùng - hữu danh hoặc vô danh, trong những ngày hào hùng năm xưa ấy đã như nhiều con suối nhỏ tạo nên dòng sông lớn, tạo thành sức mạnh của dân tộc Việt Nam, làm nên chiến thắng lẫy lừng, kết thúc vẻ vang sự

nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong số những địa danh vang dội chiến công của mùa Xuân 1975, Xuân Lộc chiếm giữ một vị trí quan trọng. Bài viết này muốn thêm một lần nữa nhìn nhận rõ hơn tầm vóc và vị trí của Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 dưới ánh sáng của những nguồn tư liệu mới.

Cho đến khi những loạt pháo của Quân đoàn 4 cấp tập nã vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh, mở màn chiến dịch tiến công nhằm đập tan cánh cửa thép Xuân Lộc để tiến về Sài Gòn từ hướng Đông thành phố (9-4-1975), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã trải qua hơn một tháng kể từ ngày Chiến dịch Tây Nguyên mở màn (4-3-1975). Trong khoảng thời gian đó với khí thế một ngày bằng hai mươi năm, bằng quyết tâm “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, quân và dân ta dũng mãnh tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã 2 quân đoàn, 2 quân khu mạnh của địch, với khoảng 40% các binh chủng kỹ thuật, thu và phá hủy hơn 40% cơ sở vật chất và hậu cần của chúng, giải phóng một vùng rộng lớn gồm các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung, Tây Nguyên và nhiều vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam bộ, hình thành thế bao vây tiến công địch ở Sài Gòn - Gia Định...

Tình hình đó là cơ sở để Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta, trong cuộc họp sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975 đi tới nhận định: *cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời điểm chiến lược để tiến hành tổng tiến công và nổi dậy vào sào huyệt cuối cùng của địch đã chín muồi*. Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất. “Thời gian sớm nhất” mà Bộ Chính trị đề ra trong cuộc họp ngày 31 tháng 3 trên đây, ngay sau đó, được cụ thể hóa rõ ràng hơn trong bức điện của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi vào chiến trường lúc 14 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1975. Theo đó, “Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ một ngày bằng hai mươi năm”. Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. “Tốt hơn cả là bắt đầu và

kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm”¹. Nhưng muốn vậy, điều có ý nghĩa quan trọng là phải kịp thời nắm lấy và tận dụng thời cơ chiến lược, đánh địch bất ngờ. Giờ đây, bất ngờ về chiến lược quả thật không còn ở phương hướng lớn nữa vì cho đến thời điểm này (1-4-1975), địch biết rất rõ, ta sẽ dồn sức tiến công quy mô lớn vào Sài Gòn - Gia Định để kết thúc sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối. Vì thế, “bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở khâu thời gian”; “Thời gian hiện nay phải tính từng ngày. Phải thần tốc, thần tốc, toàn thắng, nhất định toàn thắng”².

Ngay sau cuộc họp của Bộ Chính trị sáng ngày 31 tháng 3 và khi các bức điện quan trọng trên đây của đồng chí Lê Quân, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Đại tướng Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp gửi đi, liên tiếp có thêm các bức điện khẩn nữa của Quân ủy Trung ương gửi vào Quân ủy Miền, Bộ Tư lệnh B2 mà tinh thần cơ bản là: “*Cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh, nhân lúc địch hoang mang, diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Không chế được sân bay Biên Hòa thì không quân (địch) nhất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to*”³.

Cụ thể hơn, trong bức điện cùng ngày gửi cho các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà, Quân ủy Trung ương chỉ rõ: “*Phía Đông, tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn Sư đoàn 18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, triển khai ngay pháo hạng nặng không chế sân bay Biên Hòa, có điều kiện tốt hay lực lượng mới sẽ đánh chiếm Ô Cấp (Vũng Tàu), cắt sông Lòng Tàu*”⁴.

¹ Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.401, 402

² Trích Điện văn số 957/TK, 18 giờ ngày 1-4-1975, ký tên: Văn

³ Điện khẩn ngày 2 tháng 4 của Quân ủy Trung ương. Dẫn theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*. Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2000, tr.267.

⁴ Dẫn theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Sđd, tr.268.

Ngày 7 tháng 4 năm 1975, Trung ương Cục duyệt kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định, trong đó nhấn mạnh: nếu cắt được Quốc lộ 4 và diệt được Sư đoàn 18 thì đột kích ngay vào Sài Gòn, không chờ lực lượng vào đủ.

Như thế, vào đầu tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc trở thành một trong những mục tiêu chiến lược được đặt ra trong tính toán của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo cao nhất của ta trở thành một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định tới khả năng tận dụng thời cơ, đánh địch bất ngờ để nhanh chóng giải phóng hoàn toàn Sài Gòn - Gia Định trước mùa mưa 1975. Vì rằng, vào khoảng thời gian đó sau khi mất Quân khu 1, Quân khu 2, địch rất hoang mang, lo lắng nhưng vẫn còn rất ngoan cố. Chúng cho rằng, ta còn phải củng cố những vùng mới giải phóng; phải chuẩn bị thêm 1 hoặc 2 tháng nữa mới có thể đánh vào Sài Gòn. Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng hòa tính toán: đối phương chỉ có khả năng tăng cường cho miền Đông Nam bộ nhiều nhất là một quân đoàn và phải ít nhất là hai tháng, quân đoàn đó mới vào tới chiến trường. Trong khi đó, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Solexinhgio coi việc Đà Nẵng rơi vào tay đối phương có tầm quan trọng, nhưng đây cũng chỉ là “một trận chiến tương đối nhỏ”. Sau này, hồi tưởng lại những ngày tháng ấy Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho cho hay: “Mọi người đều biết rằng những vấn đề ở Việt Nam rất nghiêm trọng, nhưng dường như không ai biết được nguy kịch đến mức nào”. Chính vì vậy, cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 1975, Mỹ, Thiệu gấp rút chấn chỉnh Quân khu 3 và 4, dồn lực lượng lập tuyến phòng thủ mạnh ở Phan Rang, Xuân Lộc và Tây Ninh nhằm ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tiến công của ta, giữ thế cầm cự cho tới mùa mưa, sau đó sẽ tính toán bước đi tiếp. Cho đến đầu tháng 4-1975, địch có trong tay 7 sư đoàn bộ binh, 5 tiểu đoàn biệt động quân, 33 tiểu đoàn pháo binh, 12 thiết đoàn xe tăng và xe thiết giáp, 1360 máy bay, 1496 tàu, xuồng chiến đấu trên sông, trên biển. Đồng thời, vào lúc đó, Mỹ cấp tốc lập cầu hàng không chuyên chở vũ khí hạng nặng gồm xe tăng và đại bác tiếp viện cho quân đội Sài Gòn; lệnh cho tàu sân bay Hencốc cùng 300 lính thủy đánh bộ Mỹ tiến vào khu vực biển Đông... Ngày 2 tháng 4 năm 1975, Cao Văn Viên - Tổng tham mưu trưởng quân lực Việt Nam Cộng hòa, lớn tiếng tuyên bố: “Cố thủ từ Phan Rang trở lại”. Viên Tư lệnh Quân đoàn 3 Nguyễn Văn Toàn được lệnh trấn giữ Phan Rang. Đồng thời, tuyến phòng ngự mạnh xung quanh

Sài Gòn cũng gấp rút được củng cố Uâyên - viên tướng bốn sao, kẻ đã phải cuốn cờ rút khỏi miền Nam Việt Nam tháng 3 năm 1973, được lệnh trở lại Sài Gòn (28-3-1975), bàn mưu tính kế đã nói với Nguyễn Văn Thiệu rằng, phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn. Và ngay hôm đó, Uâyên cùng Cao Văn Viên tới Xuân Lộc để quan sát và chỉ huy việc xây dựng phòng tuyến nơi đây. Tại Xuân Lộc, địch bố trí một lực lượng mạnh gồm Sư đoàn 18 còn nguyên vẹn và một số tiểu đoàn bảo an, cảnh sát phòng ngự trong công sự kiên cố. Và khi Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra, địch còn tăng viện thêm Lữ đoàn dù số 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 3 (Sư đoàn 5), Liên đoàn 7 biệt động quân và các trung đoàn thiết giáp số 315, 318, 320 vào mặt trận Xuân Lộc. Trong khi đó, bên trong thị xã, bộ máy kìm kẹp của địch hầu như còn nguyên vẹn với tổng cộng khoảng 1522 tên. Báo chí phương Tây hồi bấy giờ xem Xuân Lộc là “chiếc ốc xoáy cuối cùng” quyết định số phận Sài Gòn - và cũng là số phận cuộc chiến. Còn ngụy quyền, ngụy quân Sài Gòn mệnh danh Xuân Lộc là một “phòng tuyến thép”. Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 Lê Minh Đảo lớn tiếng tuyên bố “tử thủ” Xuân Lộc bằng mọi giá!

Về phía ta, do tầm quan trọng của Xuân Lộc nên lực lượng tham gia chiến dịch này gồm có Quân đoàn 4 (sư đoàn 6, 1, 7), Trung đoàn độc lập 95B và lực lượng vũ trang tại chỗ.

Như thế, những ngày đầu tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc trở thành nơi đọ sức, đọ lực, đọ ý chí giữa các bên tham chiến. Tầm quan trọng của Xuân Lộc chẳng những được thể hiện rất rõ ở mục tiêu mà mỗi bên đặt ra mà như thực tế lịch sử đã chứng tỏ, nó còn được biểu lộ tính chất và mức độ rất quyết liệt, rất phức tạp của cuộc chiến diễn ra tại mảnh đất này, từ ngày 9 đến ngày 21 tháng 4 năm 1975. Những ngày đầu, tuy bị thiệt hại nặng, một số mục tiêu ven và trong thị xã bị Quân giải phóng đánh chiếm nhưng địch vẫn ngoan cố chống đỡ, tăng viện và điên cuồng phản kích. Đồng thời chúng dùng các loại bom có sức sát thương và mức hủy diệt lớn đánh vào trận địa ta. Ta cũng bị tổn thất nặng. Cuộc chiến diễn ra trong thế giằng co. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Miền quyết định chuyển từ tiến công thẳng vào thị xã sang đánh lực lượng tiếp ứng của địch ở vòng ngoài, chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích.

Hai chiến đoàn 43, 48 của Sư đoàn 18 ngụy và Lữ đoàn 3 thiết giáp bị đánh thiệt hại nặng; một số đơn vị khác của địch bị loại khỏi vòng chiến đấu. Để tránh bị bao vây, tiêu diệt, đêm ngày 20 rạng 21 tháng 4 năm 1975, địch buộc phải tháo chạy khỏi Xuân Lộc. Ngày 21 tháng 4, quân ta tiến vào thị xã. Toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng. “Cánh cửa thép” bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông bị đập tan. Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch xung quanh Sài Gòn; mưu toan co cụm để duy trì trạng thái giằng co chờ cho mùa mưa tới của Mỹ và Sài Gòn trở thành “mây khói”. Sau chiến thắng vang dội này của ta, tinh thần địch vốn đã hoảng loạn càng thêm hoảng loạn, suy sụp. Xét về tổng thể, Chiến thắng Xuân Lộc là một trong số những nhân tố quan trọng đảm bảo cho quân và dân ta thực hiện thành công quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa 1975 - điều mà trước khi Chiến dịch Xuân Lộc mở màn vẫn đang còn là một băn khoăn của các cấp chỉ đạo chiến lược, của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh và cũng là điều mà kẻ thù trước đó không ngờ tới...

Thật vậy, sau khi ta giải phóng Xuân Lộc, một loạt sự kiện liên quan trực tiếp tới số phận cuộc chiến đã liên tiếp diễn ra. Sau khi Xuân Lộc thất thủ, tối hôm đó (21- 4-1975), Nguyễn Văn Thiệu đành phải từ chức; Trần Văn Hương lên thay trong bối cảnh tình hình nội bộ giới cầm quyền Sài Gòn đã rất rối bời và chiến dịch di tản của người Mỹ đang xúc tiến ráo riết với nhịp độ ngày càng tăng. Ngay hôm sau, 22 tháng 4, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh thông qua và chính thức phê duyệt kế hoạch tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Tiếp đó, ngày 23 tháng 4, phía bên kia đại dương, tại trường Đại học Tulan (Tulane) ở Niu Oóc-lêăng (New Orleans), Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho tuyên bố: Cuộc chiến đã chấm dứt đối với người Mỹ.

28 năm sau kể từ ngày diễn ra trận chiến quyết liệt Xuân Lộc, nhìn lại, càng thấy rõ hơn tầm vóc của sự kiện lịch sử này; càng thêm xúc động và tự hào về nghị lực phi thường, gương chiến đấu, hy sinh anh dũng của bao cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống tại đây, tại cửa ngõ Sài Gòn trước giờ phút khắc hai miền Nam - Bắc bừng lên sắc đỏ của rừng cờ và rừng hoa trong ngày vui Đại thắng.

Cùng với bao sự kiện khác, Chiến thắng Xuân Lộc là một chấm son chói sáng trong trang sử hào hùng một thời đánh Mỹ của dân tộc Việt Nam ta.

T.V.H

LONG KHÁNH XƯA

ThS. TRẦN QUANG TOẠI

Phó chủ tịch, Tổng thư ký Hội

Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Nai.

Huyện Long Khánh được tách ra từ huyện Xuân Lộc vào năm 1991¹, là huyện thuộc khu vực trung du của tỉnh Đồng Nai có diện tích 497,75 km² với 18 xã phường, thị trấn². Phía bắc giáp huyện Định Quán; đông bắc và đông nam giáp huyện Xuân Lộc; tây bắc giáp huyện Thống Nhất; tây nam giáp huyện Long Thành; nam giáp huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dân số toàn huyện hiện có 200.822³ người với nhiều thành phần dân tộc Hoa, Chăm, Châu ro, trong đó người Châu ro có 4.015 người (2084 nữ).

Theo *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn: Long Khánh trước năm 1836 nguyên là địa bàn sinh sống của người dân tộc, gọi là “man sách” thuộc hai thủ Long An và Phước Khánh và một số buôn sóc người dân tộc ở Bình Thuận sống xen kẽ. Tháng 3-1836, Bó chánh Biên Hòa là Phạm Duy Trinh tâu xin triều đình và được phép mộ dân, khai khẩn đến vùng núi Chứa Chan. Đến năm Minh Mạng thứ 18 (1837), lập huyện Long Khánh trên cơ sở nhập hai thủ Long An và Phước Khánh, thuộc phủ Phước Tuy tỉnh Biên Hòa, ranh giới phân định như sau: “Ở phía bắc phủ 29 dặm, đông đến tây cách 80 dặm, nam đến bắc cách 88 dặm. Từ huyện lỵ qua phía đông đến địa giới huyện Tuy Định tỉnh Bình Thuận 43 dặm; tây đến địa giới huyện Long Thành 37 dặm; nam đến địa giới huyện Phước An 17 dặm;

¹ Theo Quyết định 107/HĐBT ngày 10-4-1991 của Hội đồng Bộ trưởng

² Gồm các xã Thừa Dực, Long Giao, Sông Nhạn, Nhơn Nghĩa, Bàu Sen, Suối Tre, Bình Lộc, Bảo Quang, Bảo Vinh, Xuân Đường, Xuân Mỹ, Xuân Quế, Xuân Thanh, Xuân Lập, Xuân Tân, Xuân Thạnh, Xuân Thiện, và thị trấn Xuân Lộc.

³ Số liệu điều tra ngày 1-4-1999.

bắc đến địa giới huyện Phước Bình 71 dặm. Huyện có 6 tổng: Long Xương, Long Cơ, An Trạch, An Viễn, Tập Phước, Khánh Nhân và 36 xã thôn, 451 số đình. Người dân tộc ít người trên địa bàn huyện Long Khánh được vua Minh Mạng đặt cho các chữ Tòng, Lâm, Đào, Lý, Dương và Mai để làm họ.

Theo *Biên Hòa sử lược* của Lương Văn Lựu, năm 1878, huyện Long Khánh có hai tổng là Bình Lâm Thượng (có 8 làng) và An Viễn (có 6 làng):

Tổng Bình Lâm Thượng	Tổng An Viễn
An Lộc, có 1 xóm Đất Mới	Cam Đường (Bàu Lùng) có 1 ấp Cam Đường
Bình Lộc	Cam Mỹ (Gia Tao) có 3 ấp Gia Trần, Hôn, Ruộng Chim
Gia Ray có 1 ấp Bảo Chánh	Cam Ngôn (La Vân) có 1 ấp Cam Ngôn
Hưng Lộc	Cam Tiêm (Bambơ)
Phú Lộc, hai xóm Lộc, Bung Cơ	La Minh (Bo Ngôt) có 1 ấp La Minh
Tân Lập	Thoại Hương (Gian) có 2 ấp Đất Nước, Đất Đỏ
Tân Phong có 1 ấp Phong Lộc	
Xuân Lộc	

Ngày 24 tháng 7 năm 1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định 131-BNV/HC/NĐ thành lập tỉnh Long Khánh gồm quận Xuân Lộc có một tổng Bình Lâm Thượng và quận Định Quán gồm hai tổng Bình Tuy và Tà Lài.

Đối với cách mạng, sau tháng 8-1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, địa bàn Long Khánh thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), huyện Long Khánh ngày nay thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh (1954 - 1966); từ 1966 đến 1971, thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh

Bà Rịa - Long Khánh; từ 1971 đến 1973, thuộc huyện Xuân Lộc, phân khu Bà Rịa; từ 1973 đến 1975, thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Long Khánh vẫn là địa bàn thuộc huyện Xuân Lộc. Đến năm 1991, do yêu cầu thực hiện công cuộc đổi mới và để thuận tiện trong việc quản lý địa bàn, huyện Long Khánh được thành lập như ngày nay gồm 18 đơn vị hành chính: thị trấn Xuân Lộc là trung tâm của huyện lỵ; xã Xuân Thanh; xã Xuân Bình tách thành 2 xã Xuân Thiện và Bình Lộc; xã Xuân Vinh tách thành 2 xã Bảo Vinh và Bảo Quang; xã Xuân Lập tách thành 3 xã Tân Lập, Suối Tre và Bàu Sen; xã Xuân Tân tách thành 3 xã Xuân Tân, Xuân Thanh, Nhơn Nghĩa; xã Xuân Mỹ tách thành 2 xã Xuân Mỹ và Long Giao; xã Xuân Đường thành 2 xã Xuân Đường và Thừa Đức; xã Xuân Quế tách thành 2 xã Xuân Quế, Sông Nhạn.

Long Khánh nằm trên địa bàn trung du, địa hình tương đối bằng phẳng với hai loại đất chính:

- Nhóm đá bọt chiếm đến 45,92% quỹ đất. Loại đất này tuy có hạn chế về địa hình dốc mạnh, tỷ lệ lẫn đá cao, nhưng có độ phì cao, xốp, có thể bố trí trồng những loại cây có giá trị kinh tế cao như đậu nành, thuốc lá, các loại cây ăn trái, cây hoa màu...

- Nhóm đất đỏ phong hóa từ dung nham phun trào từ những miệng núi lửa cách đây hàng triệu năm chiếm 37,43% quỹ đất, rất thuận lợi cho việc phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày.

Về khí hậu, Long Khánh có hai mùa mưa và nắng. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 sang năm.

Về rừng, trước năm 1901, Long Khánh với tổng Bình Lâm Thượng là 1 trong 8 tổng của tỉnh Biên Hòa có nhiều rừng với nhiều loại gỗ quý như sao, dầu, cẩm, gỗ nối liền với rừng tỉnh Bà Rịa, Đồng Nai thượng, Bình Thuận. Từ đầu thế kỷ 20, rừng bị khai thác để trồng cây cao su với hàng chục ngàn ha. Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ (1945 - 1975), rừng Long Khánh tiếp tục bị tàn phá nặng nề bởi bom đạn và chất độc hóa học của Mỹ, để lại hậu quả nặng nề trên hệ sinh thái và cả con người.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trước áp lực của việc thiếu lương thực, rừng tiếp tục bị phá để lập rẫy trồng hoa màu và cây lương thực.

Long Khánh là vùng đất có con người sinh sống rất sớm. Những di chỉ khảo cổ từ lòng đất đỏ bazan ở Xuân Lộc, Long Khánh là sự khẳng định cho kết luận này:

- Di chỉ Suối Chôn nằm trên sườn đồi bazan nâu đỏ ven bờ suối Pháp thuộc xã Bảo Vinh¹. Những di chỉ này cho thấy sự lan tỏa và giao thoa văn hóa mạnh giữa văn hóa Sa Huỳnh và truyền thống thời đại kim khí - thời đại sắt văn hóa Đồng Nai.

- Đặc biệt quần thể di tích kiến trúc mộ bằng đá lớn ở Hàng Gòn là một di tích đặc sắc ở Long Khánh. Mộ đá (hay mộ cự thạch) Hàng Gòn thuộc ấp Hàng Gòn², xã Thới Giao, huyện Long Khánh (nay thuộc xã Xuân Thanh) đã được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng di tích quốc gia năm 1998.

- Bộ sưu tập qua đồng nhiều kích cỡ với những hoa văn họa tiết độc đáo, tìm thấy ở Di tích Long Giao cách Hàng Gòn 4 km, minh chứng cho sự phát triển về nghệ thuật kim, tài năng và những giá trị tinh thần thông qua những hoa văn trên qua đồng của người xưa ở Long Khánh, thể hiện mối quan hệ Đông Sơn - Đồng Nai ở những thế kỷ sôi động gần Công nguyên nhất³.

¹ Di chỉ phát hiện từ năm 1976 và khai quật 4 lần vào các năm 1978, 1979. Đó là một khu cư trú cổ và 1 khu nghĩa địa riêng biệt với 9 mộ chum vỏ gốm chứa đồ tùy táng bên trong. Di vật tìm thấy gồm nhiều hiện vật bằng đá, bằng thủy tinh, bằng đồng... có niên đại khoảng thế kỷ thứ I trước Công nguyên. Hiện vật đá có: 1 cuốc, 80 rìu bôn, 5 đục, 14 bàn mài, 6 dao gặt, 1 chày nghiền, 1 búa đeo, 10 khuôn đúc rìu bằng sa thạch, 13 mảnh vòng, 2 khuyên tai. Đồ đất nung có: 14 dọi se sợi, 2 đạn, 2 quả cân cùng 9 chum vỏ làm quan tài và 8 nôi tùy táng. Đồ thủy tinh có: 1 vòng tay và 2 khuyên tai có 3 máu xanh lục. Đồ kim loại có: 5 rìu đồng, 5 kiếm sắt, 1 liềm và 1 thuổng sắt. Tại di chỉ Hàng Gòn 9, nhiều mộ chum và đồ tùy táng bên trong bằng đá, gốm, sắt cũng được tìm thấy.

² Năm 1927, trong việc mở đường phục vụ cho việc khai thác thuộc địa ở vùng đất đỏ bazan, kỹ sư cầu đường người Pháp J.Bouchot đã phát hiện và khai quật di chỉ mộ cự thạch Hàng Gòn 3 lần trong năm 1927 và 1929. Mộ cự thạch Hàng Gòn đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả phương Tây. Toàn quyền Đông Dương đã xếp mộ cổ Hàng Gòn vào danh mục "Những di tích lịch sử quan trọng nhất của Liên bang năm 1930".

Mộ cự thạch Hàng Gòn dạng hình hộp kín nằm chìm trong lòng đất sâu 1,7m cùng với hàng trụ đá xung quanh. Theo Bouchot và H.Parmentier, hầm mộ có dạng hình hộp chữ nhật được lấp ghép bởi 6 tấm đan đá hoa cương nằm theo hướng đông tây; ở giữa có 4 hàng cột gồm: 8 trụ bằng sa thạch hoặc đá bazan cao tới 2,5 - 3 mét với đầu khoét lõm hình yên ngựa, 2 trụ còn lại là 2 tấm đan lớn 7,2 x 1,1 x 0,85m nặng hàng chục tấn. Di chỉ mộ cự thạch Hàng Gòn được đoán định tuổi từ 2000 - 2.500 năm, thể hiện nỗ lực to lớn, sự sáng tạo, tài tổ chức, sức mạnh cộng đồng của người xưa ở Long Khánh.

³ Địa chí Đồng Nai, tập III, Nxb. Đồng Nai, 2001, trang 40.

Long Khánh có vị trí khá quan trọng cả về quân sự, chính trị, kinh tế. Đường Quốc lộ 1 đi qua huyện, con đường huyết mạch nối liền ra miền Trung, miền Bắc, cửa ngõ án ngữ phía đông nam đẽ vào thành phố Biên Hòa và Sài Gòn. Quốc lộ 20 nối Quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây đi lên Tây Nguyên. Liên tỉnh lộ số 2 từ Long Khánh nối liền với thị xã Bà Rịa xuống vùng ven biển Vũng Tàu. Tuyến xe lửa xuyên Việt Bắc - Nam đi qua Long Khánh.

Chính vì thế trong hai cuộc kháng chiến, đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, ngụy quyền Sài Gòn đã lập tỉnh Long Khánh, mà thị trấn Xuân Lộc hiện nay, là tỉnh lỵ. Vào cuối cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thị xã Long Khánh trở thành chiến trường ác liệt. Địch xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc với lực lượng mạnh nhất của Quân đoàn 3 để bịt kín cửa ngõ vào Sài Gòn. Ta tập trung Quân đoàn 4 cùng các lực lượng địa phương quyết phá vỡ tuyến phòng thủ cuối cùng của địch, mở cửa ngõ cho đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng ở Đà Nẵng mở đầu cho công cuộc xâm lược ở Việt Nam. Năm 1859, Pháp chiếm Gia Định. Tháng 12 năm 1861, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Biên Hòa. Nhân dân các dân tộc ít người ở Long Khánh, Xuân Lộc đã nhiều lần kết hợp với quân triều đình tấn công quân Pháp, tham gia nghĩa quân Trương Định kháng Pháp. Chính thực dân Pháp đã phải thú nhận: *“Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở ven biên giới Biên Hòa - Bà Rịa; trước đó những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến. Việc tham gia của những bộ lạc này chứng tỏ cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa đã có một trợ lực quan trọng”¹.*

Ngày 20 tháng 8 năm 1864, Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định hy sinh. Trương Quyền thay cha lãnh đạo nghĩa quân. Phan Chánh, một sĩ phu yêu nước tự xưng là Bình Tây Phó nguyên soái hội với Trương Quyền lập căn cứ Giao Loan (Rừng Lá), tập hợp người yêu nước các nơi về kháng chiến, nghĩa quân thường xuyên tập kích giặc ở Biên Hòa – Bà Rịa. Đến tháng 1 năm 1865, De La Rousse dẫn quân

¹ Địa chí Đồng Nai, tập III. Nxb. Đồng Nai 2001, trang 189.

đánh vào căn cứ Giao Loan. Phần lớn nghĩa quân rút ra Bình Thuận, một bộ phận theo Trương Quyền rút về Tây Ninh tiếp tục kháng chiến.

Với đất đỏ phì nhiêu, Long Khánh là vùng đất màu mỡ đẻ từ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 khi xâm lược nước ta, tư bản thực dân Pháp thực hiện việc bóc lột tài nguyên thiên nhiên bằng cách cướp đất, nơi người dân tộc sinh sống lâu đời để khai thác cao su. Âm mưu và ý đồ bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp đã được Pôn Đume (Paul Doumer), toàn quyền ở Đông Dương bộc lộ công khai: “... *kỹ nghệ thuộc địa phải được lập ra để sản xuất những gì mà kỹ nghệ Pháp không sản xuất được... Đối với nước Pháp, các thuộc địa đứng trên mọi quan điểm mà xét, ngay cả trên lĩnh vực kỹ nghệ nữa chỉ là những căn cứ hoạt động giúp cho nước Pháp bành trướng được ra xa hoạt động của mình trên thế giới*”. Đồng thời hấn khuyến khích sự đầu tư và khai thác thuộc địa của tư bản Pháp: “... *Việc thiết lập kỹ nghệ ở thuộc địa chỉ có thể được khuyến khích không giới hạn nếu nó không tổn hại gì cho kỹ nghệ chính quốc*”¹. Mêlin (Méline), Giám đốc Hội Kỹ nghệ và Canh nông năm 1891 bộc lộ rõ hơn: “... *liên sản xuất thuộc địa phải giới hạn ở chỗ là cung cấp cho chính quốc những nguyên liệu đầu tiên*”².

Vùng đất đỏ bazan của Long Khánh rất phù hợp với việc phát triển các loại cây nguyên liệu, do vậy từ vùng đất này tư bản thực dân đã hình thành nhiều công ty khai thác cao su.

Năm 1905, Công ty nông nghiệp Suzannah (Société Agricole de Suzannah) được thành lập. Cây cao su đầu tiên được Công ty này trồng vào năm 1906 tại Dầu Giây. Công ty Cao su Đông Dương (Société Indochinoise des Plantations d'héveas, gọi tắt là SIPH, thành lập năm 1906. Công ty Cao su Đồng Nai (Les caouchouse du Donnai, gọi tắt là LCD), tức Công ty Kỹ nghệ và Rừng Biên Hoà trước kia, thành lập năm 1908. Năm 1910, Công ty Đồn điền Đất Đỏ (Plantations des Terrouges, viết tắt là SPTR) lập 2 đồn điền Courtenay (Cắm Mỹ) và Long Thành. Công ty Đồn điền

¹ Paul Doumer, L'Indochine Française (Souvenir) Paris 1905, trang 392. Trích lại trong *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*. Nxb. Khoa học xã hội, 1978, trang 18.

² Như trên

Xuân Lộc thành lập mở Đồn điền Hàng Gòn năm 1911. Năm 1911, Công ty Đồn điền An Lộc được thành lập.

Hầu hết các công ty cao su đều mộ dân từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm phu như các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình, Nhân Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị... Từ năm 1914 đến trước năm 1945, riêng Công ty Cao su SIPH đã mộ 316.000 phu. Công ty Cao su Đất Đỏ (SPTR) cùng thời gian mộ trên 200.000 phu.

Tiền lãi của tư bản thực dân Pháp qua kinh doanh cao su tỷ lệ thuận với những nỗi cực nhục mà nhân dân, đồng bào dân tộc ít người và công nhân cao su chịu đựng.

Sự khai thác cao su của tư bản thực dân Pháp ở vùng đất đỏ Long Khánh làm xuất hiện đội ngũ công nhân cao su kiên cường, bất khuất trong đấu tranh giành độc lập và giải phóng dân tộc sau này.

Cảnh sống của công nhân đồn điền cao su đã được Pôn Mônê (Paul Monet) viết trong quyển *Hai ngọn lửa* (Entre deux feux), dù mới chỉ phản ánh một phần với thực tế, như sau: *“Trước khi ở Bắc ra đi, người ta đã hứa phát gạo không mất tiền cho phu, nhưng khi đến đồn điền thì người ta đã phát gạo trừ vào lương. Vợ người cai hay giám thị bán gạo với giá 2 đồng một hộc, gạo này rất xấu, người phu đều phải tự thổi nấu lấy mà ăn. Người phu đã phải uống nước suối hay nước nguồn vì không có nước uống, vài người đã phải lấy lá rừng về nấu uống. Giao kèo là 3 năm, nhưng công ty đã tìm cách kéo dài ra 4 năm bằng cách vin vào có “chủ nhật và những ngày lễ người phu không đi làm (người ta chỉ coi những ngày này là những ngày nghỉ đối với cai và các giám thị, còn phu thì không được). Nhưng sau 4 năm, người phu may còn sống sót, cũng không có cách nào quay về xứ sở vì họ không có tiền và quần áo. Họ buộc phải ở lại làm và ký thêm giao kèo nữa. Mỗi tháng theo quy định được trả 12 đồng, nhưng những ngày bệnh và ngày nghỉ thì không được trả lương. Mỗi tháng người ta bớt vào tiền lương 5 hào để trừ vào số tiền 6 đồng mà người phu đã được lãnh trước khi đi. Người ta đã hứa công ty sẽ trả phần thuế thân hàng năm trong thời gian giao kèo cho người phu, nhưng người ta đã không giữ lời*

hứa và thân nhân của những người phu ở các làng quê đã buộc phải trả phần thuế này”¹.

Đồn điền cao su thời Pháp thuộc chính thực là lãnh địa riêng biệt của tư bản, đồng thời chính là “địa ngục trần gian” của phu cao su vậy:

“Cao su xanh tốt chôn này

Mỗi cây bón một xác người công nhân

Hận thù trời đất khôn cầm

Càng tươi dòng mủ, càng bằm ruột gan”².

Bị áp bức đến cùng cực, công nhân đồn điền cao su ở Long Khánh đã vùng lên đấu tranh để tự bảo vệ quyền sống của mình. Những cuộc đấu tranh này là yếu tố để công nhân đoàn kết hơn, yêu thương gắn bó hơn, tích lũy nhiều kinh nghiệm về đấu tranh và ngày càng hiểu rõ bản chất kẻ bóc lột hơn.

Nhân dân huyện Long Khánh có truyền thống văn hóa lâu đời, truyền thống đấu tranh chống áp bức, đặc biệt đội ngũ công nhân tuy mới ra đời từ đầu thế kỷ 20, nhưng rất đoàn kết gắn bó trong quá trình lao động. Tất cả là những điều kiện quan trọng để nhân dân Long Khánh phát huy truyền thống này trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

T.Q.T

ÂM MƯU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ ĐỐI VỚI MIỀN NAM VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH PARIS (1973 – 1975)

TRẦN NAM TIẾN

*Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và
Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh*

¹ Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam. Nxb. Trẻ, 1993, tr 29.

² Ca dao của công nhân cao su miền Đông.

1. Do gặp nhiều thất bại trên chiến trường, Mỹ buộc phải lùi bước trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, đi đến ký Hiệp định Pari Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973). Ngày 29 tháng 3 năm 1973, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Tướng Uâyen, Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam, cùng 2.051 lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt sự có mặt quân sự của Mỹ ở đây. Mặc dù vậy, để giữ “danh dự, uy tín” và vì quyền lợi của mình, Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ Việt Nam.

Âm mưu và chính sách cơ bản của đế quốc Mỹ giai đoạn sau Hiệp định Pari là rút được quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, lấy được tù binh Mỹ về nước, nhưng vẫn dùng nguy quân nguy quyền Sài Gòn làm công cụ để thực hiện “học thuyết Níchxơn (Nixon)” và chính sách Việt Nam hóa chiến tranh, tiếp tục cuộc chiến tranh để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mục tiêu của chúng là biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia thân Mỹ, xóa bỏ tình trạng hai vùng, hai chính quyền, hai quân đội mà Hiệp định Pari - 1973 ghi nhận. Điều này được Tổng thống Níchxơn tuyên bố: “Mỹ sẽ tiếp tục công nhận Chính phủ Việt Nam Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất ở miền Nam Việt Nam”¹. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được Mỹ thực hiện theo công thức “quân nguy, viện trợ Mỹ và cái gậy chỉ huy của Mỹ”. Thực hiện ý đồ đó đối với miền Nam Việt Nam, chính quyền Níchxơn, sau này là chính quyền Giêrôn Pho, đã ra sức giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu tăng cường lực lượng mọi mặt, như giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đồn quân, bắt lính..., còn Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự, kinh tế, đưa thêm nhiều vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh vào miền Nam Việt Nam. Chỉ trong mấy tháng trước và sau khi ký Hiệp định Pari, Mỹ đã trao cho nguy quyền Sài Gòn hơn 700 máy bay, hơn 500 khẩu pháo, hơn 400 xe tăng, xe bọc thép, rất nhiều tàu chiến và dự trữ vật tư chiến tranh, tới gần 2 triệu tấn, trong đó có 50 vạn tấn đạn dược, gần 90 vạn tấn xăng dầu². Nhờ đó, quân đội Sài Gòn được nâng tổng số lên 1,1 triệu

¹ George C.Hening, *America's Longest War: The United States and Vietnam 1950 - 1975*, Alfred A. Knopf, NY., 1986, tr.259.

² Văn Tiến Dũng, *Cuộc kháng chiến chống Mỹ toàn thắng*, Nxb. Sự thật, H., 1991, tr.158.

người, tổ chức thành 4 quân đoàn với 1.850 máy bay các loại, 2.074 xe tăng, 1.601 tàu chiến, 1.588 khẩu pháo và hàng triệu tấn vật tư chiến tranh¹.

Khi rút quân đội ra khỏi Việt Nam, Mỹ không hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam như quy định của Hiệp định Pari mà giao lại toàn bộ các căn cứ quân sự ấy cho quân đội Sài Gòn. Máy bay Mỹ được chuyển sang các căn cứ của Mỹ ở Thái Lan, Philippin. Nếu có “xung đột” xảy ra, lực lượng Mỹ sẵn sàng chi viện cho quân đội Sài Gòn đặt ở căn cứ gần Việt Nam là rất lớn, gồm 15.200 quân, 1.020 máy bay, 56 tàu chiến...².

Bên cạnh đó, Mỹ vẫn giữ lại hơn hai vạn cố vấn quân sự đội lột dân sự, lập lại bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho quân ngụy Sài Gòn. Riêng ở Sài Gòn, các nhóm cố vấn quân sự được đổi thành các tổ chức “dân sự” với hơn 9.000 người, trong đó có nhiều người đã nhanh chóng thay đổi chức năng quân sự và chuyển sang công chức của chính phủ Việt Nam (Việt Nam Cộng hòa)³. Để chỉ huy và điều hành cuộc chiến tranh cho phù hợp với tình hình mới, Mỹ đổi tên cơ quan chỉ huy quân sự MACV (Military Assistance Command, Vietnam) thành cơ quan tùy viên quốc phòng (DAO - Defense Attache Office). Cơ quan tình báo CIA hoạt động được danh nghĩa tổ chức USAID (United States Agency International Development). Lực lượng này trở thành một lực lượng quan trọng giúp ngụy quyền Sài Gòn trong việc thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Rõ ràng, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu “được sự ủng hộ đầy đủ của Mỹ để thể hiện một chính sách hòa giải chính trị và tiếp tục tiến công quân sự”⁴.

Tiếp tục nhận viện trợ của Mỹ, được cố vấn Mỹ chỉ huy, chính quyền Thiệu ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari. Với một kế hoạch tiếp tục chiến tranh sắp đặt trước khi ký Hiệp định, chính quyền Thiệu huy động gần như toàn bộ lực lượng, tiến hành chiến dịch tràn ngập lãnh thổ, nên tiếp mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm các vùng do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam kiểm soát;

¹ Lê Mậu Hãn (chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H., 1998, tr.255.

² Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam 1965 - 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 2002, tr.469.

³ *2 America's Longest War: The United States and Vietnam 1950 - 1975*, Sđd, tr.259.

⁴ Giôđép, A.Amtơ, *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, H., 1985, tr.237.

tiến hành bao vây kinh tế, đẩy mạnh hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý. Mục đích của chúng là chiếm đất, giành dân, xóa bỏ hình thái “da báo”, mở rộng và củng cố vùng chúng kiểm soát, thu hẹp đi đến xóa bỏ vùng giải phóng. Trong vùng do chúng kiểm soát, chúng ráo riết “bình định”, “thanh lọc”, đồn quân bắt lính, cướp bóc nhân dân, giết hại những người yêu nước, bắt bớ tù đầy những người chống đối. Thực chất, đó là hành động tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta ở Việt Nam. Theo số liệu thống kê, trong năm 1973, quân đội Sài Gòn đã tổ chức 11.365 cuộc hành quân lấn chiếm ở các quy mô khác nhau, có sự chi viện của không quân và hải quân¹.

Với những âm mưu và biện pháp chiến lược trên, Mỹ cho rằng trong khoảng thời gian từ 1973 - 1975, chúng sẽ dồn lực lượng vũ trang ta ở miền Nam về 15 căn cứ sát biên giới và chỉ hoạt động quy mô cấp đại đội. Đến những năm 1978 - 1980, chiến tranh sẽ tàn lụi, chúng sẽ triển khai toàn diện nền kinh tế thực dân mới lệ thuộc Mỹ, loại trừ cách mạng ra khỏi đời sống chính trị của dân chúng, đồng thời làm cho kinh tế miền Nam hơn hẳn kinh tế miền Bắc². Nhưng thực tiễn tình hình đã diễn ra không theo dự kiến chủ quan của người Mỹ. Với việc quân đội Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam, nước Mỹ đã rơi vào tình trạng “*cuộc khủng hoảng lòng tin*”, kinh tế bị suy sụp, nạn lạm phát và thất nghiệp tăng nhanh hơn, xã hội Mỹ bị rối loạn, nội bộ chính quyền và các đảng phái bị chia rẽ sâu sắc. Cùng với tình hình ấy là vụ bê bối Oatoghét (Watergate)³ đã buộc Níchxơn phải rút lui khỏi Nhà Trắng (tháng 8-1974), qua đó đánh dấu “một trong những thời kỳ khó khăn nhất và bi thảm nhất của nước Mỹ”⁴. Giê rôn Pho⁵ lên thay với biết bao khó khăn chồng chất cả trong nước Mỹ và trên thế giới, đặc biệt là trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Giê rôn Pho và giới cầm quyền Mỹ càng tỏ ra bất lực trước sự suy yếu nghiêm trọng của bọn ngụy Sài Gòn.

¹ *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Sđd, tr. 472.

² Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Hà Nội, 1991, tr.249.

³ Tháng 6 năm 1972, một nhóm 5 người chui vào trụ sở của ủy ban toàn quốc Đảng Dân chủ đóng tại khu nhà Oatoghét ở Oasinhton (Washington), đặc khu Colombia. Trong khi tìm cách đặt máy ghi âm điện tử nghe trộm thì nhóm đó bị bắt. Níchxơn tìm cách che giấu chuyện này, bịt kín cuộc điều tra và tiếp tục cuộc vận động bầu cử. Sau này, báo chí Mỹ đã phanh phui vụ này trước công luận Mỹ.

⁴ Theo AP ngày 6 tháng 8 năm 1974.

⁵ Ngày 9 tháng 8 năm 1974, Giê rôn Pho lên nắm quyền và trở thành Tổng thống thứ 38 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Những khó khăn ở Mỹ đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình ở miền Nam Việt Nam. Mỹ bắt đầu cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn. Thực tế, viện trợ quân sự của Mỹ cho Thiệu bị giảm dần, từ 1.614 triệu USD năm 1972 - 1973, rút xuống còn 1.026 triệu USD năm 1973 - 1974 và 701 triệu USD năm 1974 - 1975... Theo tướng Mỹ Giôn Morây (John Maray) thì “nếu viện trợ còn 750 triệu đôla, Sài Gòn chỉ còn khả năng bảo vệ một phần đất đai. Nếu xuống thấp nữa có nghĩa là xóa bỏ Cộng hòa Việt Nam”¹. Điều này cho thấy, sự tồn tại của chính quyền Sài Gòn phụ thuộc rất lớn vào viện trợ Mỹ. Trong khi đó, Quốc hội Mỹ đã quyết định cắt giảm viện trợ cho miền Nam Việt Nam. Tháng 1 năm 1975, Tổng thống Giê rôn Pho thuyết phục Quốc hội viện trợ 300 triệu USD cho Nam Việt Nam nhưng không thành công².

Trong khi đó, quân đội Sài Gòn đang lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, chúng liên tiếp bị trừng trị bởi những đòn nặng nề của quân giải phóng, vùng kiểm soát của chúng dần dần bị thu hẹp, trong lúc đó lực lượng cách mạng đã lớn mạnh và chiến thắng. Tính đến cuối năm 1973, trên toàn miền Nam ta đã làm chủ 8.690 ấp với khoảng 4 triệu dân; vùng tranh chấp có khoảng 9.000 ấp với khoảng 3 triệu dân³. Riêng ở miền Tây Nam bộ, các lực lượng cách mạng đã loại khỏi vòng chiến đấu 36.500 quân, bức rút, bức hàng 103 bót, mở rộng vùng giải phóng với 666 ấp gồm 390.000 dân⁴. Sang năm 1974, kế hoạch lần chiếm bình định của địch căn bản bị thất bại. Tính chung trên toàn miền, quân và dân ta đã diệt và bức rút 2.174 bót, phá 830 ấp, giải phóng hơn 10 chi khu, quân ly, nâng số dân vùng giải phóng lên gần 5 triệu⁵.

Từ tháng 5 năm 1974, quân đội Sài Gòn buộc phải rút bỏ các đồn bót nhỏ, co về đóng giữ các đồn bót lớn, từ đánh ô ạt chuyển sang đánh lâu dài, từ càn quét chuyển sang lùng sục nhỏ, từ lần chiếm chuyển sang ngăn chặn... Phạm vi chiếm đóng của quân đội Sài Gòn ở miền Nam dần dần bị thu hẹp dần. Chiến lược tràn ngập

¹ Điện của tướng Giôn Morây gửi Lầu Năm Góc, tháng 6 năm 1974. Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam 1965 - 1975*, tr.481.

² James S.Olson - Randy Robetr, *Where the domino fell - America and Vletnam, 1945 - 1995*, NY., 1996, tr.258.

³ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954 – 1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1995, tr.617-618.

⁴

⁴ Lịch sử Việt Nam 1965 - 1975, Sđd, tr.488.

⁵ Lịch sử Việt Nam 1965 - 1975, Sđd, tr.498.

lãnh thổ đến đây hoàn toàn bị tan vỡ. Khả năng tồn tại của ngụy quyền Sài Gòn bị đe dọa nghiêm trọng.

Nhìn chung, thế và lực của Mỹ - Thiệu ở miền Nam Việt Nam ngày càng suy yếu. Với những khó khăn trong và ngoài nước, khả năng viện trợ cho chính quyền Sài Gòn ngày càng giảm. Trước sự suy yếu trầm trọng của ngụy quyền Sài Gòn lúc này, dù Mỹ có can thiệp đi chăng nữa thì cũng không thể cứu vãn nổi sự sụp đổ của quân đội Sài Gòn. Có thể nói, *“đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ... Ngoài thời cơ này không có thời cơ nào khác”*¹.

Sau Chiến thắng Phước Long 6-1-1975, quân và dân ta đã mở đợt tổng tiến công thần tốc giải phóng thị xã Buôn Ma Thuật 10-3-1975, tiếp đến là Kon Tum, Gia Lai và toàn bộ Tây Nguyên 24-3-1975, rồi Huế 26-3-1975, Đà Nẵng 29-3-1975. Chỉ trong một thời gian ngắn, 16 tỉnh, 6 thành phố, thị xã được giải phóng, gần một nửa binh lực địch trên toàn miền Nam bị tiêu diệt và tan rã. Thắng lợi nhanh chóng, dồn dập và mạnh mẽ của quân và dân ta tạo nên sự phản ứng dây chuyền càng làm cho địch nhanh chóng tan rã. Chính quyền Sài Gòn đang lâm vào tình trạng khủng hoảng, hoang mang và bế tắc. Người Mỹ hoàn toàn bất ngờ trước sức tấn công như vũ bão của quân và dân ta. Tuy nhiên, Mỹ vẫn tiếp tục tiếp sức cho ngụy quyền Sài Gòn, cố gắng duy trì chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu ở miền Nam Việt Nam. Đối với người Mỹ, nếu chấp nhận thất bại lần này là chấp nhận sự sụp đổ hoàn toàn ở miền Nam Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung.

Để giúp ngụy quyền Sài Gòn kéo dài cơn hấp hối, chính quyền Pho đã lập cầu hàng không khẩn cấp tăng cường vũ khí, trang bị cho quân ngụy. Tướng Uâylen, cựu Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam được Nhà Trắng phái đến Sài Gòn để dựng kế hoạch phòng thủ và đốc thúc bọn tay sai dốc toàn sức bảo vệ chế độ Sài Gòn.

2. Sau khi ta giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và phần lớn ven biển miền Trung, chủ trương của địch là co về phòng thủ, giữ Quân khu 3 và Quân khu 4 trong đó có

¹Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, H., 1985, tr. 362.

Sài Gòn - Gia Định là nơi cố thủ quyết định sự sống còn của chế độ tay sai Sài Gòn. Lúc này, trên chiến trường Nam bộ, lực lượng quân ngụy vẫn còn khá lớn (10 sư đoàn tăng cường gồm bộ binh + dù + thủy quân lục chiến + 8 liên đoàn biệt động quân + 11 thiết đoàn + 33 tiểu đoàn pháo binh + 3 sư đoàn không quân + 27 liên đoàn địa phương quân...), tuy về tinh thần hoang mang dao động rất mạnh, nhưng cũng chưa đến mức tan rã hỗn loạn. Phần lớn lực lượng này địch bố trí tập trung chung quanh Sài Gòn, triển khai thành nhiều tuyến ngăn chặn từ xa đến gần, trên mỗi tuyến có các khu vực phòng thủ then chốt như Xuân Lộc (cửa ngõ vòng ngoài trên hướng phòng ngự chủ yếu), Biên Hòa - Long Bình, Phú Lợi - Bình Dương, Đồng Dù - Củ Chi, Tân An - Bến Lức... (ở khu vực tuyến giữa).

Với Sài Gòn là hang ổ cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn nên Nguyễn Văn Thiệu đã cố gắng đến mức cao nhất để mong ngăn chặn sự sụp đổ nhanh chóng của chúng. Mỹ cũng ra sức cứu vớt chính quyền tay sai của mình. Ngày 28-3-1975, tướng Uâyen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, được cử đến Sài Gòn vạch kế hoạch phòng thủ cho ngụy quyền Sài Gòn. Ở tuyến ngoại vi thành phố, chúng bố trí 1 sư đoàn và 1 lữ đoàn chia thành 4 khu vực phòng thủ. Trong tuyến nội đô, chúng tổ chức thành 5 liên khu, chống thâm nhập và nổi dậy. Trong đó, Uâyen quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ chốt tại thị xã Phan Rang nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây. Ngay trong ngày 28-3-1975, Uâyen và Cao Văn Viên đã phải tức tốc bay ra Xuân Lộc để quan sát và chỉ huy xây dựng phòng tuyến tại đây.

Như vậy, trong hệ thống phòng thủ Sài Gòn, Xuân Lộc trở thành khu vực phòng ngự trọng yếu của địch ở Quân khu 3 trong kế hoạch của Nguyễn Văn Thiệu “cố thủ Phan Rang trở vào” và “tử thủ Long Khánh (Xuân Lộc)”. Nhằm bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, một trọng điểm của tuyến phòng ngự từ xa của Mỹ - ngụy chặn hai đường tiến quân của ta về Sài Gòn là Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Giữ được Xuân Lộc - Long Khánh thì tuyến Biên Hòa - Nhơn Trạch - Bà Rịa - Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa và cả sân bay Tân Sơn Nhất còn hoạt động được.

Được xem là điểm then chốt phòng ngự của địch ở hướng đông bắc nên địch đã tập trung mọi khả năng còn lại để cố giữ Xuân Lộc. Đối với ngụy quyền Sài Gòn,

“Xuân Lộc là chìa khóa phòng thủ Sài Gòn. Để mất Xuân Lộc là mở cửa cho thủ đô bị tiến công trực diện. Cũng ngang tầm quan trọng như vậy, việc mất Xuân Lộc sẽ làm cho Sài Gòn sa sút nặng đến mức sự đầu hàng có thể phải được cân nhắc thành một giải pháp tích cực!”. Chúng đưa về đây toàn bộ lực lượng của Sư đoàn 18 và 1 trung đoàn của Sư đoàn 5 ngụy, 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 lữ đoàn dù, 2 chiến đoàn tăng thiết giáp, 8 tiểu đoàn pháo binh, gồm 50% quân chủ lực và 60% pháo binh của Quân đoàn 3 ngụy, sử dụng máy bay với mật độ cao để chống lại quân chủ lực của ta. Với khả năng chi viện tối đa hỏa lực không quân, pháo binh, chúng hy vọng có thể ngăn chặn làm chậm bước phát triển tiến công của ta, cố kéo dài đến mùa mưa để sau đó có cơ hội gượng lại nếu được Mỹ tiếp tục viện trợ, hoặc may ra có thể tranh thủ một giải pháp thương lượng ít thua thiệt hơn¹. Thiệu đình ninh rằng còn nhiều tháng nữa, quân đội cách mạng mới tới được Sài Gòn. Ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 của ta gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 và lực lượng Quân khu 7 nổ súng tiến công Xuân Lộc. Trận mở đầu tại Xuân Lộc được Alan Dawson (bình luận viên quân sự có quan hệ với sứ quán Mỹ tại Sài Gòn) viết trong cuốn *55 ngày - cuộc sụp đổ của Nam Việt Nam*: “Toàn bộ một sư đoàn cộng sản tràn đến tỉnh lỵ Xuân Lộc, mở đầu cho trận đánh gay go nhất trong toàn bộ Chiến dịch Hồ Chí Minh...”. Đối với Mỹ và chính quyền Sài Gòn, trận chiến ở Xuân Lộc cũng là dịp thử nghiệm cái độ vững chắc hay lung lay của phòng tuyến đó và cũng là “một nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu của quân Nam Việt Nam” đang trên đà sụp đổ².

Trận đánh diễn ra quyết liệt. Địch tập trung cố thủ và tăng cường thêm lực lượng, điên cuồng phản kích, gây khó khăn cho ta. Trước tình hình đó, ta chuyển sang đánh các lực lượng tiếp viện ở vòng ngoài, thực hành chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn đánh địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích. Thực hiện lối đánh này, ta đã chia cắt Xuân Lộc với Sài Gòn. Ngày 18 tháng 4 năm 1975, Bộ trưởng Quốc phòng ngụy Trần Văn Đôn đi kiểm tra tình hình chiến sự đã thốt lên: “Tình trạng nguy ngập thật sự. Sự sống còn chỉ có thể

¹ Nhiều tác giả, *Mùa xuân giải phóng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1997, tr.198.

² Bản tin của UPI ngày 12 tháng 4 năm 1975

tính từng ngày, từng tuần, không thể tính từng tháng”. Đại sứ Matin trong ngày 19 tháng 4 cũng khẩn cấp báo về Oasinhton tình hình tuyệt vọng của chúng ở Sài Gòn. Báo cáo có đoạn: “Với sự sụp đổ của quân đội chính phủ ở Xuân Lộc, và sự tiếp viện của quân đội Bắc Việt Nam ở Quân khu 3, cán cân lực lượng ở vùng rộng lớn Sài Gòn đã nghiêng hẳn về phía Bắc Việt Nam và Việt cộng... Mười lăm ngày nữa thì Sài Gòn sẽ bị bao vây hoàn toàn. Có khả năng trong ba hay bốn tuần nữa sẽ rơi vào tay cộng sản”¹. Tướng Mỹ Uâyen cũng nhận xét rằng: “Tình hình quân sự tại Nam Việt Nam đã tuyệt vọng”². Trước tình hình đó, từ ngày 18 tháng 4, Tổng thống Giê rôn Pho ra lệnh di tản gấp người Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Ngày 20 tháng 4 năm 1975, cánh quân phía đông của ta sau khi giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân đã tiến đến Xuân Lộc, phối hợp với Quân đoàn 4 uy hiếp rất mạnh Xuân Lộc. Trước nguy cơ bị bao vây và tiêu diệt, đêm 20 rạng 21 tháng 4 năm 1975, toàn bộ lực lượng địch còn lại ở Xuân Lộc rút chạy. Xuân Lộc được giải phóng. Chiến thắng Xuân Lộc đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần quân đội Sài Gòn càng thêm suy sụp. Tia hy vọng cuối cùng của Mỹ - nguy hầu như bị tắt ngấm. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, chính quyền Mỹ đã cử D. Brao (Dean Brown) phụ trách một đoàn tàu gồm 35 tàu chiến, 4 hàng không mẫu hạm và 100 máy bay tổ chức cuộc hành quân “Người liêu mạng” đưa người Mỹ rời Việt Nam.

Khi Xuân Lộc thất thủ, Quốc hội Mỹ đã bác bỏ những yêu cầu của Tổng thống Giê rôn Pho đề nghị viện trợ khẩn cấp cho Sài Gòn. Ngày 22 tháng 4, Thiệu họp báo công khai lên án sự phản bội của Mỹ đối với chính quyền Sài Gòn: “Các ông đòi hỏi chúng tôi làm điều mà các ông đã thất bại với nửa triệu binh lính tinh nhuệ và sĩ quan có tài với gần 300 tỷ USD chi phí trong sáu năm trời. Nếu tôi không nói rằng các ông bị Cộng sản Việt Nam đánh bại, thì tôi cũng phải nói một cách khiêm tốn là các ông cũng không thể chiến thắng. Nhưng các ông đã tìm đường rút lui trong danh dự. Hiện nay, khi quân đội chúng tôi thiếu vũ khí, đạn dược... các ông lại đòi hỏi chúng tôi làm

¹ Frank Snepp, *Cuộc tháo chạy tán loạn*, Ngô Dư dịch, Nxb.TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr.268.

² Dẫn theo *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Sđd, tr.284.

một điều không thể làm được giống như việc dùng đá lấp đầy đại dương”¹. Ngay sau đó, Nguyễn Văn Thiệu chính thức từ chức trước quốc hội Sài Gòn và trao quyền Tổng thống cho Trần Văn Hương. Hai ngày sau, ngày 23 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho tuyên bố: “Cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ. Không thể giúp người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang đợi họ”², qua đó công khai thú nhận sự bỏ cuộc hoàn toàn sự can thiệp của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Đối với người Mỹ, qua đó chấm dứt “một cuộc chiến tranh làm mất lòng và gây chia rẽ nhất trong một thế kỷ của lịch sử nước Mỹ”³.

Với thắng lợi mở đầu Xuân Lộc và thế trận tạo ra được trong giai đoạn tạo thế của Chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã làm tiêu tan những hy vọng mỏng manh cuối cùng về khả năng có thể gượng lại của quân ngụy, đồng thời châm ngòi cho một giai đoạn mới của sự hỗn loạn trong tuyệt vọng của ngụy quyền Sài Gòn trước giờ phút sụp đổ hoàn toàn. Cũng chính trên thế trận như vậy đã diễn ra giai đoạn thực hành Tổng tiến công và nổi dậy, giáng đòn sấm sét quyết định vào ngay hang ổ của ngụy quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ 20”⁴, và mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử Việt Nam - kỷ nguyên độc lập tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

T.N.T

TÌNH HÌNH ĐỊCH - TA TRÊN CHIẾN TRƯỜNG XUÂN LỘC - LONG KHÁNH CUỐI 1974 ĐẦU 1975

TS. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bà Rịa – Vũng Tàu

¹ Đài phát thanh Sài Gòn, ngày 22 tháng 4 năm 1975. Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam 1965 - 1975*, Sđd, tr. 552.

² *America's Longest War: The United States and Vietnam 1950 - 1975*, Sđd, tr.267.

³ Pulo, *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Níchxon*, Nxb. Thông tin - Lý luận, H., 1986, tr.7.

⁴ Lê Duẩn, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng*, Nxb. Sự thật, H., 1977, tr.6.

A. TÌNH HÌNH ĐỊCH:

I. Tình hình huyện Xuân Lộc¹:

1. Xã Bảo Định: có 137 gia đình, dân Kinh 900 người, có 6 ấp: *ấp Bảo Hòa*: có một đồn 1 trung đội dân vệ 25 tên, tên Bình làm trưởng đồn, phòng vệ dân sự 8 tên, có trưởng phó ấp ở lưu vong. *ấp Bảo Toàn*: có một đồn 1 trung đội dân vệ 32 tên. Phòng vệ dân sự xung kích 30 tên, một trưởng ấp. *ấp Việt kiều* nằm trong ấp Bảo Toàn. Phòng vệ dân sự có 2 toán 17 tên, trang bị 12 súng cácbin. Có một đồn Cây Da 1 trung đội dân vệ 22 tên, tên Tham đồn trưởng (đồn nằm trên Quốc lộ I); *ấp Bảo Liệt*: có 17 tên phòng vệ dân sự, (không có tề ấp); *ấp Nam Hà* di cư công giáo: một đồn ở tại Cầu 2, có 2 trung đội bảo an (tháng 5-1974 có 1 đại đội. *ấp Bảo Thị*: 1 trung đội dân vệ đóng trong ấp 32 tên. Phòng vệ dân sự xung kích có 32 tên thành 1 trung đội dân di cư; *ấp Bảo Định*: một cuộc cảnh sát 3 tên và 1 tiểu đội cảnh sát 12 tên, một ban hội đồng xã (cơ quan hành chính xã) và một phân chi khu quân sự. Dân số 4.000 người. Có 4 trung đội dân vệ 120 tên đóng trong dân (2 trung đội đóng trong ấp, 2 trung đội đưa lên quận). Phòng vệ dân sự có 200 tên và 1 trung đội phòng vệ dân sự xung kích 30 tên. Tua Mai Thọ Bích 8 tên.

2. Xã Bình Phú: có 273 gia đình, 1.859 người, có 1 trung đội dân vệ 21 tên (Trung đội 34). Phòng vệ dân sự 52 tên và phòng vệ dân sự xung kích 12 tên. Một tua tại cầu đôi (Bảo Thắng) 1 tiểu đội có 12 tên, một đồn có 1 trung đội dân vệ (Trung đội 84 trực thuộc tiểu khu), vườn mít 25 tên. *ấp Thái Thiện*: 1 trung đội dân vệ đóng trong ấp (Trung đội 44) 25 tên. *ấp Dinh Điền Ông Cung* (mới lập): có 2 tua 2 đầu ấp. *ấp Bảo Thắng*: địch đã đốt một lần, sau đó đóng một tua 12 tên tại Cầu Đôi; *ấp Nhà Dòng*: có 5 gia đình 25 người; *ấp Thái Thiện*: khoảng 600 gia đình với khoảng 6.000 dân (chưa rõ địch).

3. Xã Suối Cát: 6.189 dân (409 dân Kinh, 39 gia đình Hoa và Việt kiều). *ấp Suối Cát*: một đồn 1 trung đội dân vệ (Trung đội 84) 25 tên. Cầu Gia Liêu có 2 tua (Trung đội 64 dân vệ); *ấp Việt kiều*: 1 trung đội dân vệ (Trung đội 83), 1 tiểu đội phòng vệ dân sự xung kích, *ấp Lều Xanh*: 1 trung đội dân vệ.

¹ Huyện đội báo cáo Ban tác chiến ngày 18-7-1974.

4. Xã Gia Ray: có 3 ấp, 1 trung đội dân vệ và một phân chi cuộc cảnh sát 11 tên; một phân chi khu 9 tên và một ban tề xã 7 tên; *ấp Trung Lương*: một đồn dân vệ 25 tên, một phân chi khu cảnh sát, một ban tề 3 tên. Dân số 1.600 người; *ấp Trung Nghĩa*: một đồn 1 trung đội bảo an đóng ban ngày, đêm bỏ. Dân số khoảng 1.200 người; *ấp Trung Tính*: dân khoảng 440 người; tại cây số 8,5: *chi khu Lộc Ninh (Lưu vong)* dân khoảng 2.000 người, có 2 đại đội bảo an, 50-60 cảnh sát, 60 phòng vệ dân sự xung kích (có quận trưởng ở).

5. Xã Đồng Tâm: có 4 ấp: khoảng 1.800 dân chạy đi khoảng 5.000. *Đồng Tâm I* có 1 trung đội dân vệ, 1 tiểu đội phòng vệ dân sự xung kích; *Đồng Tâm II* có 1 trung đội dân vệ, 1 tiểu đội phòng vệ dân sự xung kích; *Đồng Tâm III* có 420 phòng vệ vũ trang dân di cư; *ấp Chàm*: khoảng 3.000 dân.

6. Xã Bảo Bình: *ấp một* có 2 tiểu đoàn bảo an (Tiểu đoàn 308 và 336).

7. Xã Bảo Chánh: 1 trung đội dân vệ 26 tên, một ban tề 2 tên. Dân số 1.200 người.

8. Xã Bình Lộc: có 2 đại đội bảo an, 1 trung đội dân vệ, một tên tề lưu vong, có một đồn, 2 tua, dân số khoảng 800 người.

Lực lượng bảo an: Đại đội 355 tại chi khu Lộc Ninh; Đại đội 358 tại đồn 129; Đại đội 133 tại căn cứ 3; Đại đội 356 tại căn cứ 4; Đại đội 319 tại căn cứ 5; Tiểu đoàn 343 tại Đồng Tâm (Đại đội 1 căn cứ 2, Đại đội 2 căn cứ 1, Đại đội 3 ngã ba Ông Đồn, Đại đội 4 đồi 25).

II. Tình hình huyện Cao Su¹:

1. *Đồn bót và chi khu*: 29. Trong đó: một chi khu ở Tân Phong; một hậu cứ ở Suối Râm; một chốt ở Núi Thị; 3 đồn ở Cẩm Mỹ, một đồn ở Ông Quế; 12 bót; 3 tua; 8 vị trí (5 vị trí ở Cẩm Mỹ lộ 2, 3 vị trí ở Dầu Giây Quốc lộ 1).

2. *Binh lực*: có 1.955 tên các loại, trong đó: bảo an 520 tên (1 tiểu đoàn và 3 đại đội); dân vệ 662 tên 22 trung đội và 3 tiểu đội; phòng vệ dân sự nam 1.644 tên (3 liên toán và 12 đội), 125 phòng vệ xung kích 6 đội; phòng vệ dân sự nữ có 116 tên (5

¹ Báo cáo của Bà Rịa - Long Khánh cuối năm 1974.

toán); tề xã 63 tên (7 ban); cuộc cảnh sát 43 tên (7 cuộc); phân chi khu 23 tên (7 phân chi khu).

Cụ thể từng xã:

- Xã Cẩm Mỹ: đồn bót: có 2 đồn và 5 vị trí dã chiến (đồn đồi Con Chim, đồn núi Con Rắn; 5 vị trí dã chiến từ ngã ba Việt Cường đến nam Suối Cả dọc lộ 2). Binh lực: có 428 tên, trong đó: bảo an 370 tên (1 tiểu đoàn và 1 đại đội); dân vệ 28 tên (Trung đội 75); phòng vệ xung kích 8 tên (1 toán); tề xã 5 tên; cuộc cảnh sát 8 tên; tề ấp 6 tên (3 ban); phân chi khu 3 tên.

- Xã Ông Quê: đồn bót: có một đồn, một vị trí dã chiến ấp Trung Đạo. Binh lực có 113 tên các loại. Trong đó có 65 tên bảo an (Đại đội 319); 16 tên dân vệ Trung đội 45; 13 tên phòng vệ dân sự; 6 tề xã; 3 tề ấp; 6 tên cuộc cảnh sát; 4 tên phân chi khu.

- Xã Hàng Gòn: có 4 đồn bót. Binh lực có 199 tên các loại gồm 95 tên dân vệ (4 trung đội), 77 tên phòng vệ dân sự (17 phòng vệ dân sự nam có trang bị súng), 16 tề xã 8 tề ấp (4 ban) và 3 tên phân chi khu. Cụ thể từng ấp: *ấp Chợ*: không đồn bót, có 2 tề; *ấp Miếu Bà*: 3 đồn có 3 trung đội dân vệ 70 tên, 17 tên phòng vệ dân sự (1 đội), 16 tên hội đồng xã, 3 tên phân chi khu, 2 tên tề ấp; *ấp Núi Cháy*: một bót có 1 trung đội dân vệ (25 tên), 2 tên tề ấp.

- Xã Tân Lập: đồn bót: có một bót (ấp Suối Hôn), một tua sở Tân Lập, một vị trí dã chiến. Binh lực: 203 tên gồm: 80 tên dân vệ (3 trung đội và 1 tiểu đội), 90 tên phòng vệ dân sự và phòng vệ xung kích, 13 tề xã, 8 tề ấp, 8 cảnh sát, 4 bình định.

- Xã Tân Phong: có một chi khu, 2 bót. Binh lực có 238 tên các loại, gồm: 110 tên dân vệ (4 trung đội), 115 phòng vệ dân sự, 8 tề xã, 8 tề ấp.

- Xã Dầu Giây: có 3 bót, một lô cát, 3 vị trí dã ngoại. Binh lực có 229 tên các loại, gồm 35 dân vệ, 119 phòng vệ dân sự, 8 tề xã, 6 tề ấp, 8 cuộc cảnh sát, 8 tên phân chi khu. Cụ thể: *ấp A* (Phan Bội Châu) có một bót, 1 trung đội dân vệ số 27 (29 tên), 30 phòng vệ dân sự (có 15 phòng vệ xung kích); *ấp 97* (Trần Hưng Đạo) có một bót, 3 vị trí dã ngoại, một tua, 25 dân vệ (Trung đội 26), 26 tên phòng vệ xung kích, 30 tên phòng vệ dân sự nữ, 2 tề ấp; *ấp Xăng Trần Cao Vân* có một bót, 29 dân vệ, 60 phòng vệ dân sự, 8 tên cuộc cảnh sát, 2 tề xã, 2 tề ấp, 3 phân chi khu.

- Xã An Lộc (Suối Tre): có 3 bót, một tua, một trung tâm huấn luyện biệt kích, một tinh đoàn bảo an. Binh lực có 208 tên các loại, gồm: 75 dân vệ, 101 phòng vệ dân sự, 10 cuộc cảnh sát, 5 tề xã, 8 tề ấp (4 ban), 5 tên hội đồng xã, 4 tên phân chi khu. Cụ thể từng ấp: ấp Suối Tre có một bót, 1 trung đội dân vệ 25 tên, 12 phòng vệ dân sự, 2 tề ấp; *ấp Nhà Thương*: không có đồn bót mà địch cơ động đóng trong dân; *ấp Cây Rang*: có một bót, 1 trung đội dân vệ 25 tên, 12 phòng vệ dân sự, 2 tề ấp; *Sở II*: có một tua 6 dân vệ, 27 phòng vệ dân sự, 2 tề ấp; *Trung tâm An Lộc*: có một bót, 1 trung đội dân vệ 25 tên, một cuộc cảnh sát 10 tên, một ban tề xã 5 tên, một ban hội đồng xã 5 tên, 2 tên tề ấp, 45 tên phòng vệ dân sự.

- Xã Bình Lộc sở: có một bót và 2 tua. Binh lực: dân vệ 25 tên (3 trung đội), 75 tên phòng vệ dân sự (1 liên toán có 20 phòng vệ xung kích), 8 cảnh sát, 10 tề xã, 6 tề ấp, 3 phân chi khu. Cụ thể từng ấp: *ấp Quang Trung*: có một tua, 1 tiểu đội dân vệ 12 tên, một toán phòng vệ dân sự 20 tên, 2 tề ấp; *ấp Lam Sơn*: có một bót, 1 trung đội dân vệ ngoài bót, một ban tề 10 tên tề xã, 2 tên tề ấp, 8 cảnh sát, 3 tên phân chi khu, 20 tên phòng vệ dân sự; *ấp Tinh Nghĩa*: có một tua, 1 tiểu đội dân vệ, một toán phòng vệ dân sự 25 tên.

III. Tình hình thị xã Long Khánh¹:

1. Lực lượng cơ động và đóng chiếm: * Tiểu khu (Phạm vi nội ô): 4 đại đội bảo an và 2 đại đội bảo vệ, 1 đại đội hành chánh tiếp vận (Đại đội 410) và 1 đại đội biệt lập (Đại đội 415 bảo an). Hậu cứ Sư đoàn 18 cũ (thường xuyên có 1 tiểu đoàn chủ lực ngụy); khu pháo binh: có 1 đại đội pháo 8 khẩu; khu thiết giáp: có một chiến đoàn/Trung đoàn 5 thiết giáp túc trực; đồn Hoàng Diệu: có 1 đại đội trinh sát (Đại đội 133) và 2 đại đội cảnh sát dã chiến; khu tinh đoàn bảo an: có 1 đại đội bảo an; khu sân bay có 1 đại đội hậu cứ tiếp vận. * Các bót ấp ven thị xã: bót Bảo Vinh B: có 1 trung đội dân vệ; bót Bảo Bình A có 1 trung đội dân vệ; bót Suối Chồn có 1 trung đội dân vệ; bót Rạch Dừa có 2 đại đội cảnh sát dã chiến. * Khu vực chi khu Xuân Lộc: đồn chi khu có 4 trung đội dân vệ, 1 trung đội cảnh sát dã chiến và 1 trung đội pháo.

¹ Báo cáo của Bà Rịa - Long Khánh đến cuối tháng 12-1974.

2. Bộ máy kèm và xã ấp: tề ấp có 9 ban 23 tên; phòng vệ có 789 tên (trong đó có 154 phòng vệ xung kích); tình báo và thám sát có 55 tên.

Cụ thể: *Bảo Vinh*: 3 bót do 3 trung đội dân vệ đóng. Tề ấp có 3 ban 6 tên; thám sát có 8 tên; phòng vệ dân sự có 2 toán 22 tên; *ấp Phú Thạnh*: tề ấp có một ban 3 tên; Phòng vệ có 155 tên (có 33 phòng vệ xung kích); *Phú Mỹ*: tề ấp có một ban 3 tên; phòng vệ có 200 tên (có 30 phòng vệ xung kích); *Phú Xuân*: tề ấp có một ban 3 tên; 200 phòng vệ (có 36 phòng vệ xung kích); 16 tên thám báo; *Phú Lộc*: tề ấp có một ban 3 tên; phòng vệ có 200 tên (30 phòng vệ xung kích) và 7 tên thám báo; *Tân Phú*: tề ấp có một ban 2 tên; phòng vệ có 60 tên (có 21 phòng vệ xung kích); thám báo có 30 tên; *Tân Xuân*: tề ấp có một ban 3 tên, phòng vệ có 30 tên.

B. TÌNH HÌNH TA:

I. *Huyện Cao Su*: dân số: 34.028 người (9 xã, 27 ấp). Trong đó: công nhân 2.589 người; dân tộc 660 người; Hoa Nùng 3.683 người; di cư 1.700 người. *Lực lượng A*: 117 đồng chí (cán bộ phong trào 39; du kích xã 18; du kích ấp 22; dân quân 221 xã đội 11; ấp đội 5). *Lực lượng B*: 12 đảng viên (3 chi bộ); 12 đoàn viên (2 chi đoàn); 15 ủy viên (4 Ban chấp hành Công đoàn); 6 ủy viên (2 Ban cán sự Nông hội); 9 hội viên (3 Ban Bình vận); 2 Ban An ninh; 43 tổ công đoàn 31 hội viên (2 tổ nông hội); du kích mật 19 người.

Cụ thể từng xã:

- Xã Cẩm Mỹ: dân số: 2000 dân (có 330 công nhân). Trong đó: *ấp Cẩm Thành*: trắng; Láng Lớn: tranh chấp vừa; Suối Sóc: tranh chấp vừa; Lấp lỏm giải phóng: 11 gia đình (27 người) có 17 dân cạo mũ. *Lực lượng A*: có 12 đồng chí, trong đó cán bộ phong trào 7, du kích xã 3, một xã đội, một ấp đội. *Lực lượng B*: 29 đồng chí, trong đó 4 đảng viên lẻ; 2 đoàn viên (có một bí thư); lỏm giải phóng 11 gia đình 27 người, một ban tự quản 3 người, một chi đoàn 3 người, một Ban chấp hành Công đoàn 3 ủy viên, 2 tổ công đoàn 12 đoàn viên.

- Xã Ông Quê: dân số 3.600 dân. *Lực lượng A* có 13 đồng chí (7 cán bộ phong trào, một xã đội, một ấp đội, 6 du kích xã ấp). *Lực lượng B*: 103 người (trong đó có 2 đảng viên lẻ, 3 đoàn viên lẻ (nữ), một Ban chấp hành Công đoàn (4 ủy viên), 12 tổ